

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN, TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH



(Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 22.03000388 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005; đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25 tháng 12 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số: .../ĐKNY do... cấp ngày... tháng... năm...)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Cái Lân - Giếng Đáy - Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh

Điện thoại: 033.841.648 - Fax: 033.841.639

Hội sở Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: 04.7737070/ 2717171 Fax: 04.7739058

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ: 45 Võ Thị Sáu - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.2852525 Fax: 08.9255246

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên : Ông Trần Quang Tịnh

Chức vụ : Trưởng phòng Tổ chức- Lao động- Tiền lương

Điện thoại : 091.302.5471



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

(Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 22.03000388 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005; đăng ký thay đổi lần 3 ngày 30 tháng 10 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM

GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu : **Cổ phiếu Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh**
Loại cổ phiếu : **Cổ phiếu phổ thông**
Mệnh giá : **10.000 đồng/cổ phiếu** (Mười nghìn đồng/cổ phiếu)
Tổng số lượng niêm yết : **12.500.000** cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết : **125.000.000.000** đồng (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng)
(theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

❖ **Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán**

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu - Hà Nội - Việt Nam

Điện thoại : 04.824.1990/1

Fax: 04.825.3973

Email : aaschn@hn.vnn.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT**

Trụ sở chính

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: 04.7737070/ 2717171

Fax: 04.7739058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn

Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 45 Võ Thị Sáu - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.2852525

Fax: 08.9255246



MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1.	Rủi ro kinh tế	7
2.	Rủi ro luật pháp	7
3.	Rủi ro kinh doanh	7
4.	Rủi ro khác	8
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
	Tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh	9
	Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần chứng khoán FPT (FPTS)	9
III.	CÁC KHÁI NIỆM	10
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	11
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty	14
3.	Sơ đồ quản lý Công ty Cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh	18
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông	20
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết	22
6.	Hoạt động kinh doanh	23
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất	40
8.	Vị thế Công ty trong ngành	41
9.	Chính sách với người lao động	46
10.	Chính sách cổ tức	49
11.	Tình hình tài chính	49
12.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	53
12.1.	Hội đồng quản trị	53
12.2.	Ban kiểm soát	64
12.3.	Ban giám đốc	69
12.4.	Kế toán trưởng	71
13.	Tài sản	73
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2007	74
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	84
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	84
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết	84
V.	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	85
1.	Loại chứng khoán	85
2.	Mệnh giá	85
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết	85
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết	85
5.	Phương pháp tính giá	86
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	87
7.	Các loại thuế có liên quan	87



VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT	88
VII.	PHỤ LỤC	89
1.	<i>Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</i>	<i>89</i>
2.	<i>Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty</i>	<i>89</i>
3.	<i>Phụ lục III: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2006 và quyết toán 9 tháng năm 2007</i>	<i>89</i>
4.	<i>Phụ lục V: Nghị quyết ĐHCĐ thông qua chủ trương niêm yết trên TTGD Hà Nội</i>	<i>89</i>

**DANH MỤC BẢNG**

<i>Bảng 1- Những thành tích Công ty đạt được.....</i>	<i>12</i>
<i>Bảng 2- Thông tin chung về Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh</i>	<i>13</i>
<i>Bảng 3- Danh sách các đơn vị thành viên.....</i>	<i>17</i>
<i>Bảng 4- Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ tại ngày 30/10/2007.....</i>	<i>20</i>
<i>Bảng 5 Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 30/10/2007</i>	<i>20</i>
<i>Bảng 6- Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30/10/2007</i>	<i>21</i>
<i>Bảng 7- Danh sách các công ty con.....</i>	<i>22</i>
<i>Bảng 9- Danh sách các nhà cung cấp nguyên vật liệu.....</i>	<i>27</i>
<i>Bảng 10- Đơn giá nguyên liệu chính và phụ qua các năm 2004, 2005, 2006, 2007</i>	<i>27</i>
<i>Bảng 12- Một số hệ thống máy móc thiết bị sản xuất xi măng của Công ty</i>	<i>31</i>
<i>Bảng 13- Năng lực thiết bị phục vụ thi công cơ giới.....</i>	<i>32</i>
<i>Bảng 14- Một số Hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết</i>	<i>38</i>
<i>Bảng 16- Dự báo nhu cầu xi măng trong toàn quốc</i>	<i>43</i>
<i>Bảng 17- Dự báo nhu cầu xi măng trong toàn quốc từ 2007 đến 2012</i>	<i>44</i>
<i>Bảng 18- Dự báo sản lượng của các nhà máy xi măng trong toàn quốc từ 2007 đến 2012</i>	<i>44</i>
<i>Bảng 19- Cân đối cung cầu xi măng cả nước từ 2007 đến 2012</i>	<i>45</i>
<i>Bảng 20- Cơ cấu lao động theo trình độ lao động.....</i>	<i>46</i>
<i>Bảng 21- Dư nợ vay trong năm 2005, 2006 và 9 tháng năm 2007</i>	<i>50</i>
<i>Bảng 22- Tình hình công nợ phải thu năm 2005, 2006 và 9 tháng năm 2007</i>	<i>51</i>
<i>Bảng 23- Tình hình công nợ phải trả năm 2005, 2006 và 9 tháng năm 2007.....</i>	<i>51</i>
<i>Bảng 24- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....</i>	<i>52</i>
<i>Bảng 25- Giá trị tài sản của Công ty tại ngày 30/9/2007</i>	<i>73</i>
<i>Bảng 26- Tình hình nhà xưởng đất đai của Công ty tại thời điểm 30/09/2007.....</i>	<i>73</i>
<i>Bảng 27- Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức năm 2007-2009.....</i>	<i>74</i>

DANH MỤC BIỂU

<i>Biểu 1- Cơ cấu vốn điều lệ ngày 30/10/2007</i>	<i>21</i>
<i>Biểu 2- Tỷ trọng sản phẩm qua các năm</i>	<i>25</i>

DANH MỤC SƠ ĐỒ

<i>Sơ đồ 1- Cơ cấu tổ chức Công ty.....</i>	<i>14</i>
<i>Sơ đồ 2- Cơ cấu quản lý Công ty.....</i>	<i>18</i>

THƯ NGỎ

Quý nhà đầu tư thân mến,

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNCC), tôi xin gửi đến quý vị cơ hội đầu tư vào công ty chúng tôi.

Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tiền thân là Xí nghiệp Than Uông Bí. Năm 1998 UBND tỉnh Quảng Ninh đã sát nhập một số đơn vị vào Xí nghiệp Than Uông Bí để thành lập Công ty Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.



Tháng 2 năm 2005 UBND tỉnh Quảng Ninh đã ra quyết định số 497/QĐ- UB phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh thành Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh. Từ đó đến nay Công ty luôn được khách hàng tin tưởng chọn lựa như là nhà cung cấp có chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất. Công ty nhanh chóng phát triển và trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh phụ cận.

Sau hơn 10 năm hoạt động và phát triển với phương châm đặt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không ngừng được mở rộng. Từ một đơn vị chuyên sản xuất kinh doanh một mặt hàng đến nay Công ty đã mở rộng sản xuất kinh doanh đa ngành: sản xuất xi măng, sản xuất đá xây dựng, sản xuất than, xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, kinh doanh xuất nhập khẩu. Đặc biệt Công ty không ngừng đầu tư chiều sâu trang thiết bị hiện đại, tiên tiến đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh do vậy tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm của Công ty đạt từ 30-40%.

Để thực hiện mục tiêu chiến lược 4 năm 2007-2010, Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh triển khai phương án tăng vốn điều lệ 71,495 tỷ đồng lên 125 tỷ đồng để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng với những dự án điển hình như nhà máy sản Xi măng Lam Thạch II mở rộng, dự án Trung tâm thương mại Cầu Sến...

Sự góp mặt của các cổ đông và nhà đầu tư mới, đặc biệt là các nhà đầu tư chiến lược chắc chắn sẽ tiếp thêm sức mạnh và năng lượng mới cho sự phát triển của Công ty.

Chúng tôi xin đưa ra những thông tin và cơ hội để quý vị lựa chọn đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh, một lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ nhiều tiềm năng này.

Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty sẽ làm hết sức mình để xứng đáng với mong đợi của các cổ đông và nhà đầu tư.

Xin quý vị nghiên cứu kỹ bản cáo bạch này trước khi đưa ra quyết định của mình và vui lòng tham khảo Website của Công ty chúng tôi để biết thêm thông tin về QNCC (<http://www.qncc.com.vn>).

Kính chúc quý vị sức khỏe và thành đạt.

Chào thân ái,





I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến việc gia tăng sử dụng xi măng trong ngành công nghiệp - xây dựng. Nền kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây đạt tốc độ phát triển cao: năm 2002 đạt 7,1%, năm 2003 đạt 7,3%, năm 2004 đạt 7,7% và năm 2005 đạt 8,4%, 2006 là 8,17%. Các chuyên gia phân tích đều cho rằng, trong các năm tới, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam duy trì ở mức 7- 8%/năm là hoàn toàn khả thi. Đây chính là một nhân tố thuận lợi đối với ngành công nghiệp xi măng..

Năm 2007 là năm đầu tiên Việt Nam chính thức gia nhập WTO nên ngành công nghiệp xi măng đang đứng trước những thách thức lớn. Khi Việt Nam gia nhập WTO, việc hội nhập quốc tế sẽ tạo ra cơ hội và thách thức đòi hỏi ngành xi măng phải gia tăng năng lực cạnh tranh, phát triển phù hợp tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế.

2. Rủi ro luật pháp

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh đang hoạt động theo các quy định của Luật doanh nghiệp. Mặt khác Công ty hiện nay sắp niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, do vậy, hoạt động của Công ty sẽ còn chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Hệ thống luật pháp Việt Nam chưa đồng bộ, đang trong quá trình hoàn thiện, việc thực thi lại chưa đạt hiệu quả cao nên khả năng chính sách của Nhà nước thay đổi sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro kinh doanh

Trong năm 2007, các doanh nghiệp trong ngành xi măng đối mặt với sự tăng giá của một số mặt hàng đầu vào. Giá nhập khẩu thạch cao, cộng với khó khăn về vận tải và cước phí tăng cao ảnh hưởng bất lợi đến giá thành của ngành xi măng. Việc tăng giá sẽ ảnh hưởng rất lớn đến khả năng sản xuất và sẽ làm giảm doanh thu của Công ty. Tuy nhiên trong các năm qua, Công ty luôn xây dựng được kênh cung cấp nguyên vật liệu ổn định nên rủi ro về biến động nguồn nguyên liệu sẽ không tác động nhiều đến Công ty trong những năm tới.

Hiện nay, đầu tư vào ngành xi măng tương đối lớn, sắp tới các nhà đầu tư nước ngoài cũng tham gia vào thị trường xi măng. Trong toàn quốc hiện có 14 nhà máy xi măng lò quay, 21 dự án xi măng lò đứng đang và sẽ thực hiện chuyển đổi công nghệ sang lò quay, một số trạm nghiền độc lập. Ngoài ra, trong thời gian tới, sản lượng còn tiếp tục tăng do đang triển khai xây dựng 31 dự án xi măng lò quay với sự tham gia của nhiều chủ đầu tư thuộc các thành phần kinh tế khác nhau và các dự án được phân bố ở nhiều vùng trên cả nước. Theo dự đoán của Hiệp hội Xi măng Việt Nam, đến năm 2010-2012, sản lượng xi măng trong nước sẽ đạt trên 60 triệu tấn. Năm 2010, Việt Nam sẽ trở thành nước có công suất và sản lượng xi măng

lớn nhất trong các khối ASEAN. Do đó, Công ty sẽ chịu sự cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp đang hoạt động cũng như các doanh nghiệp sắp tới sẽ đầu tư. Trong đó có các doanh



nghiệp có tiềm lực mạnh về vốn, dây chuyền công nghệ hiện đại, khấu hao hết đã liên tục giảm giá bán sản phẩm, áp dụng các chính sách quảng cáo khuyến mại lớn kéo dài. Mặt khác, mẫu mã sản phẩm của các doanh nghiệp trên thị trường cũng rất phong phú, đa dạng. Công ty sẽ phải đối mặt trực tiếp với sự cạnh tranh gay gắt về giá cả và mẫu mã sản phẩm. Tuy nhiên với kinh nghiệm và khả năng về thị trường cũng như các tiềm lực sẵn có cộng với một vị trí địa lý hết sức thuận lợi trong vùng thị trường có tốc độ đầu tư hạ tầng cao công ty sẽ duy trì được sản lượng bán hàng, sản lượng sản xuất và giá bán trên thị trường truyền thống của mình.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh

Ông/Bà: Cao Quang Duyệt	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT- Tổng Giám đốc
Ông/Bà: Phan Ngô Chứ	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Ông/Bà: Đinh Đức Hiền	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Ông/Bà: Hoàng Văn Thụy	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát
Ông/Bà: Đoàn Thị Dung	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần chứng khoán FPT (FPTS)

Đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Điệp Tùng
Chức vụ:	Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin đăng ký niêm yết cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCK	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
TTGDCK	: Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội
UBND	: Ủy ban Nhân dân
Công ty	: Công ty Cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
Phòng KHKT	: Phòng Kế hoạch- Kỹ thuật
Phòng TCKT	: Phòng Tài chính- Kế toán
Phòng TCHC	: Phòng Tổ chức Hành chính
BKS	: Ban kiểm soát
BGD	: Ban giám đốc
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
Điều lệ Công ty	: Điều lệ của Công ty Cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh
Tổ chức niêm yết	: Công ty Cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Xi măng và xây dựng Quảng Ninh tiền thân là Xí nghiệp than Uông Bí. Năm 1998 UBND tỉnh Quảng Ninh đã sát nhập một số đơn vị vào xí nghiệp Uông Bí để thành lập Công ty Xi măng và xây dựng Quảng Ninh.

- ✚ Ngày 4 tháng 2 năm 2005 UBND tỉnh Quảng Ninh đã ra Quyết định số 497/QĐ- UB phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Xi măng và xây dựng Quảng Ninh thành Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh.
- ✚ Ngày 28/3/2005 Công ty Xi măng và xây dựng Quảng Ninh chuyển thành Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 22.03.000388 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.
- ✚ Với phương châm đặt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, từ khi thành lập và hoạt động đến nay Công ty đã giành được sự tin nhiệm của khách hàng trong và ngoài tỉnh. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không ngừng được mở rộng. Đặc biệt Công ty đã đầu tư chiều sâu với trang thiết bị hiện đại, tiên tiến, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong thời kỳ đổi mới. Do vậy tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm của Công ty đạt từ 30- 40%.
- ✚ Từ một đơn vị chuyên sản xuất kinh doanh một mặt hàng đến nay Công ty đã mở rộng sản xuất kinh doanh đa ngành. Sản xuất các mặt hàng chính như Xi măng theo công nghệ châu Âu, bê tông thương phẩm các loại, sản xuất và chế biến than, khai thác và chế biến phụ gia sản xuất xi măng, sản xuất vật liệu xây dựng, đá xây dựng, đá xẻ ốp lát, tấm lợp xi măng, sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, sản xuất gạch nung theo công nghệ lò nung tuynel, thi công xây lắp các công trình dân dụng, san lấp mặt bằng, làm đường giao thông, vận tải thủy bộ, khảo sát thăm dò tư vấn thiết kế mỏ và xây dựng, xuất nhập khẩu các loại vật tư, phụ tùng máy móc, thiết bị xây lắp đường dây và trạm biến áp dưới 35KV, kinh doanh cảng biển, kinh doanh vận tải sông, kho vận, sản xuất kinh doanh bao bì đựng xi măng, kinh doanh thương mại, du lịch, khách sạn, nhà hàng, kinh doanh bất động sản, đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và khu dân cư với tổng số vốn kinh doanh hàng trăm tỷ đồng.

Hiện nay công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000. Vì vậy các mặt hàng Công ty sản xuất ra luôn đạt chất lượng cao. Đặc biệt tầm vóc của Công ty càng lớn mạnh hơn khi Thủ tướng Chính phủ giao cho Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh làm chủ đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu Công



ngành Cái Lân tỉnh Quảng Ninh theo quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 12/8/2004 với tổng mức vốn đầu tư 150 tỷ đồng.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất xi măng, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến than, khai thác và chế biến phụ gia cho sản xuất xi măng;
- Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, làm đường giao thông;
- San lấp mặt bằng, vận tải thủy bộ;
- Khảo sát thăm dò tư vấn thiết kế mỏ và xây dựng;
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, phụ tùng, máy móc, thiết bị và vật liệu xây dựng;
- Đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và dân cư;
- Kinh doanh cảng biển, kinh doanh vận tải biển, kho vận, kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, kinh doanh bao bì đựng xi măng;
- Kinh doanh thương mại, du lịch, khách sạn, nhà hàng;
- Nuôi trồng thủy sản, kinh doanh bất động sản.

Bảng 1- Những thành tích Công ty đạt được

Năm 2000	Ngành xây dựng Quảng Ninh tặng cờ đơn vị xuất sắc phong trào thi đua 10 năm đổi mới
Năm 2001	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Xây dựng tặng bằng khen - Tổ chức Quacert và tổ chức AJA vương quốc Anh cấp chứng chỉ ISO 9001: 2000
Năm 2002	UBND tỉnh tặng bằng khen cho Nhà máy xi măng Lam Thạch
Năm 2003	<ul style="list-style-type: none"> - UBND tỉnh tặng cờ thi đua ngành xây dựng - Nhà máy xi măng Lam Thạch được tặng huân chương lao động hạng ba
Năm 2004	UBND tỉnh tặng cờ đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua ngành xây dựng
Năm 2005	<ul style="list-style-type: none"> - UBND tỉnh tặng cờ thi đua xuất sắc đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước Sở xây dựng Quảng Ninh - Bộ Khoa học và Công nghệ trao tặng giải thưởng chất lượng Việt Nam
Năm 2006	UBND tỉnh tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh



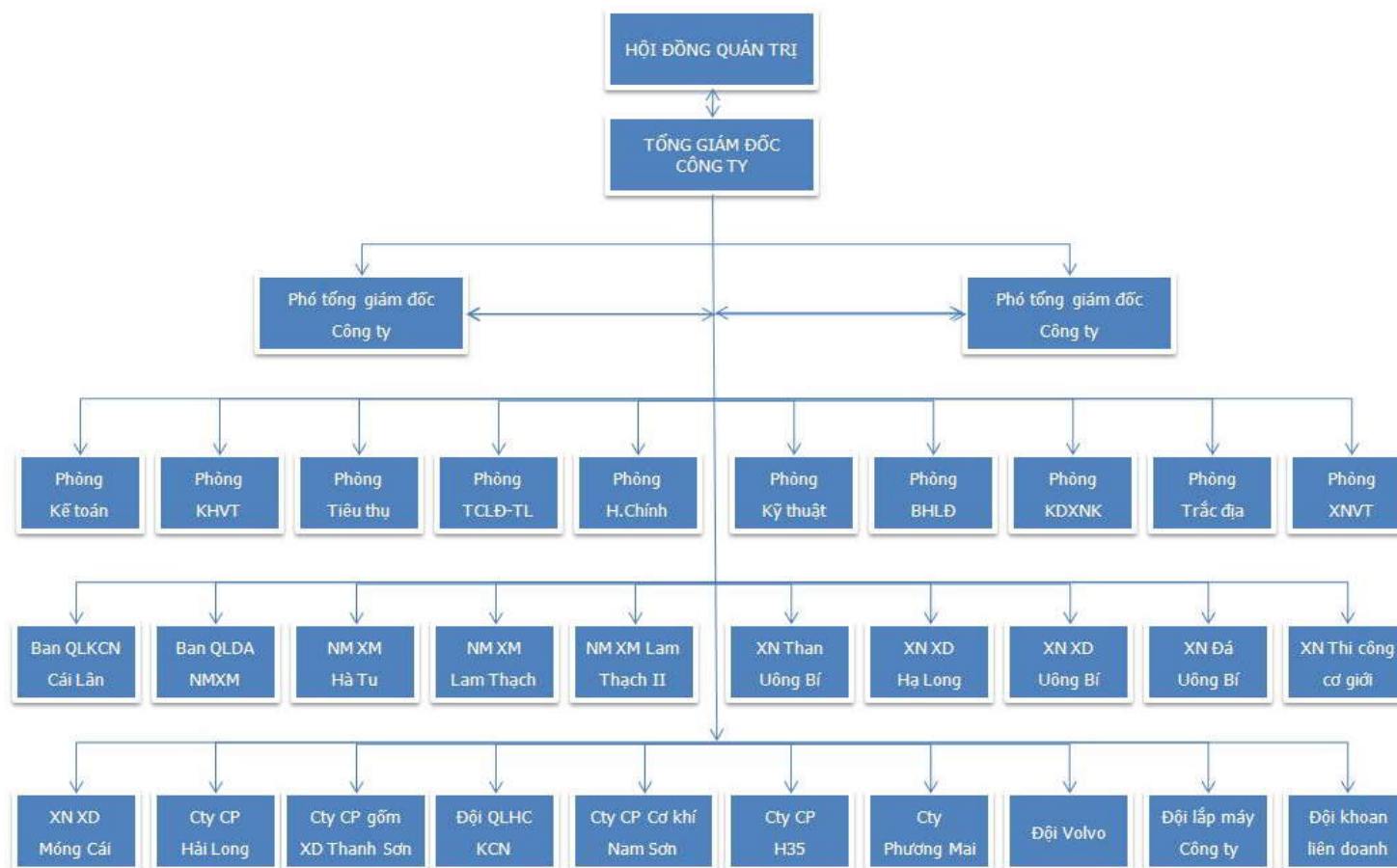
Bảng 2- Thông tin chung về Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh

Tên công ty	Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh
Tên tiếng Anh	Quang Ninh Contrustion and Cement Joint Stock Company
Tên viết tắt	ONCC
Biểu tượng	
Người đại diện	Ông Cao Quang Duyệt- Tổng Giám đốc- Kiêm Chủ tịch HĐQT
Trụ sở	Khu Công nghiệp Cái Lân- Giếng Đáy- Hạ Long- Quảng Ninh
Điện thoại	033.841.648
Fax	033.841.639
Website	Qncc.com.vn
Email	ctyxmxd@hn.vnn.vn
Vốn điều lệ	125.000.000.000 đồng (Tính đến thời điểm 30/9/2007)



2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Sơ đồ 1- Cơ cấu tổ chức Công ty





✚ Phòng Tổ chức, lao động, tiền lương

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Công ty về lĩnh vực Tổ chức- lao động - tiền lương. Xây dựng quy hoạch cán bộ, tổ chức bộ máy quản lý và sản xuất; xây dựng và hoàn thiện điều lệ, nội quy, quy chế của Công ty; xây dựng kế hoạch về tiền lương, qui chế trả lương, trả thưởng.

✚ Phòng Kế toán

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Công ty về lĩnh vực tài chính - kế toán. Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính kế toán và nguồn vốn phục vụ SXKD. Tính toán hiệu quả kinh tế cho các phương án SXKD của Công ty trong từng thời kỳ kế hoạch để Giám đốc quyết định.

✚ Phòng Kế hoạch, vật tư

Xây dựng và tổng hợp qui hoạch chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch cung cấp vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị phụ tùng cho các hoạt động SXKD.

✚ Phòng Kỹ thuật

Tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty trong công tác quản lý kỹ thuật và tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty. Xây dựng các định mức vật tư kỹ thuật trong sản xuất và kinh doanh. Xây dựng chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng và biện pháp thực hiện.

✚ Phòng Tiêu thụ

Tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty trong công tác quản lý tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm hàng tháng, quý, năm trên cơ sở kế hoạch sản xuất được giao. Nghiên cứu khảo sát thị trường, nhu cầu của khách hàng, xây dựng giá tiêu thụ cho mỗi loại sản phẩm, trình Tổng giám đốc Công ty phê duyệt và điều chỉnh giá bán cho phù hợp với thị trường.

✚ Phòng Hành chính



Tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty trong công tác quản lý hành chính của Công ty. Quản lý con dấu, công văn, giấy tờ, sổ sách hành chính.

✚ Phòng QMR

Tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty trong công tác Quản lý hệ thống chất lượng. Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng, giám sát việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng TCVN theo ISO 9001- 2000 và đề xuất sửa đổi hệ thống quản lý chất lượng khi cần thiết.

✚ Phòng Xuất nhập khẩu

Quản lý và tổ chức xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, sản phẩm, máy móc thiết bị dịch vụ phục vụ cho SXKD. Tổ chức soạn thảo hợp đồng, soát xét trình duyệt hệ thống văn bản, tài liệu hồ sơ về quản lý xuất nhập khẩu trong Công ty. Quản lý hàng hoá dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu theo Luật Việt Nam và Công ước quốc tế.

✚ Phòng Bảo hộ Lao động

Tham mưu cho Tổng giám đốc trong công tác Bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt của Công ty. Tổ chức soạn thảo các nội quy, quy chế quản lý công tác bảo hộ lao động. Hướng dẫn phổ biến các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn, vệ sinh lao động của Nhà nước và các nội quy, quy chế chi thị về Bảo hộ lao động của Lãnh đạo Công ty đến người lao động trong toàn Công ty.

✚ Đội quản lý hành chính KCN Cái Lân

Tham mưu cho Tổng giám đốc trong công tác quản lý trụ sở Văn phòng Công ty và quản lý cơ sở hạ tầng khu Công nghiệp Cái Lân.

✚ Ban quản lý dự án

Điều hành trực tiếp mọi hoạt động của dự án đầu tư xây dựng công trình được Tổng giám đốc Công ty giao. Chuẩn bị hồ sơ thiết kế, dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình để Tổng giám đốc Công ty tổ chức thẩm định phê duyệt theo quy định.

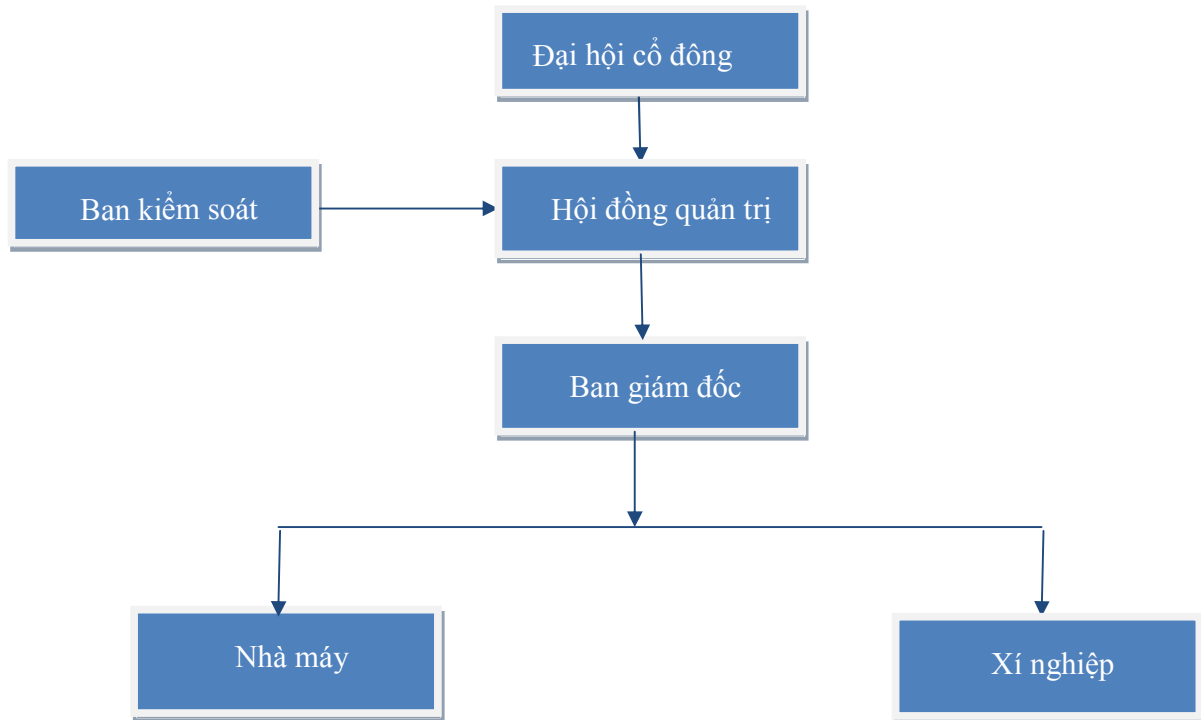
Công ty Cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh có 13 đơn vị thành viên

Bảng 3- Danh sách các đơn vị thành viên

TT	Đơn vị thành viên	Địa chỉ	Điện thoại liên hệ
1	Ban quản lý Khu công nghiệp Cái Lân	KCN Cái Lân - Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh	033.840.521
2	Khách sạn Hồng Gai	Đường Hạ Long - Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh	033.846.258
3	Nhà máy Xi măng Lam Thạch I	Xã Phương Nam - Thị xã Uông Bí - Quảng Ninh	033.856.309/856310
4	Xí nghiệp Xây dựng Uông Bí	Phường Quang Trung - Thị xã Uông Bí - Quảng Ninh	033.854.296
5	Xí nghiệp Đá Uông Bí	Xã Phương Nam - Thị xã Uông Bí - Quảng Ninh	033.856.158
6	Xí nghiệp Than Uông Bí	Phường Phương Đông - Thị xã Uông Bí - Quảng Ninh	033.667.662
7	Nhà máy Xi măng Hà Tu	Phường Hà Phong - Hạ Long - Quảng Ninh	033.835.211
8	Xí nghiệp Xây dựng Hạ Long	KCN Cái Lân - Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh	033.840.435
9	Xí nghiệp Thi công cơ giới	Số 288 Phường Quang Trung Thị xã Uông Bí - Quảng Ninh	033.854.132
10	Xí nghiệp XD Móng Cái	Thị xã Móng Cái - Quảng Ninh	033.882.897
11	Nhà máy xi măng Lam Thạch II	Xã Phương Nam- thị xã Uông Bí- Quảng Ninh	033.667.621
12	Xí nghiệp khai thác và kinh doanh Than Đông Triều	Xã Nguyễn Huệ- Đông Triều- Quảng Ninh	033.841.648
13	Trạm xử lý nước nước thải khu công nghiệp Cái Lân	Khu Công nghiệp Cái Lân- Giếng Đáy- Quảng Ninh	033.841.648

3. Sơ đồ quản lý Công ty Cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh

Sơ đồ 2- Cơ cấu quản lý Công ty



3.1. Đại hội cổ đông:

Đại hội cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm có: Đại hội cổ đông thành lập; Đại hội cổ đông thường niên; Đại hội cổ đông bất thường. Đại hội thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.

3.2. Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh gồm có những thành viên sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Cao Quang Duyệt	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Phạm Văn Chính	Thành viên HĐQT
3	Ông Đinh Đức Hiển	Thành viên HĐQT



4	Ông Phạm Văn Điện	Thành viên HĐQT
5	Bà Đào Thị Đàm	Thành viên HĐQT
6	Ông Đinh Trọng Công	Thành viên HĐQT
7	Ông Linh Thế Hưng	Thành viên HĐQT
8	Ông Nguyễn Hữu Tường	Thành viên HĐQT
9	Ông Trần Văn Hiếu	Thành viên HĐQT

3.3. Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thay mặt cổ đông thực hiện việc giám sát hoạt động kinh doanh và điều hành của Công ty. Hiện nay Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh có 05 thành viên do ĐHCĐ bầu và bãi miễn theo đa số bằng phiếu bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm :

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hoàng Văn Thụy	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Kim Trọng Bộ	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên Ban kiểm soát
4	Ông Phạm Quốc Hùng	Thành viên Ban kiểm soát
5	Ông Trần Quang Tịnh	Thành viên Ban kiểm soát

3.4. Ban giám đốc:

Công ty hiện nay có một Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị và hai Phó tổng giám đốc. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm theo nghị quyết được thông qua hợp thức.

Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Cao Quang Duyệt	Tổng Giám đốc
2	Ông Phan Ngô Chứ	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Đinh Đức Hiễn	Phó Tổng Giám đốc



4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông

Bảng 4- Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ tại ngày 30/10/2007

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	Số 6 Phan Huy Chú - Hà Nội	2.217.600	22.176.000.000	17,7408

(Nguồn: Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh)

Bảng 5 Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 30/10/2007

(Theo giấy phép kinh doanh số 22.03000388 đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/12/2007)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (Tr VND)	Tỷ lệ (%)
1	Cao Quang Duyệt	126.000	1.260	1,008
2	Đình Đức Hiền	123.000	1.230	0,984
3	Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn NN <i>Đại diện: Ông Phạm Văn Chính</i>	1.848.000	18.480	14,784
4	Nguyễn Hữu Tường	151.200	1.512	1,210
5	Trần Văn Hiếu	100.000	1.000	0,800
6	Phạm Văn Điện	102.680	1.026,8	0,821
7	Đình Trọng Công	103.140	1.031,4	0,825
8	Linh Thế Hưng	100.000	1.000	0,800
9	Đào Thị Đàm	100.000	1.000	0,800
	Tổng	2.754.020	27.540,2	22,032

(Nguồn: Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh)

Theo Điều 84 khoản 5 Luật doanh nghiệp quy định sau 3 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh năm, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ. Như vậy đến ngày 28/3/2008 các hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập Công ty cổ phần xi măng và xây dựng sẽ được bãi bỏ hoàn toàn. Các cổ đông sáng lập sẽ được tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông đang nắm giữ.

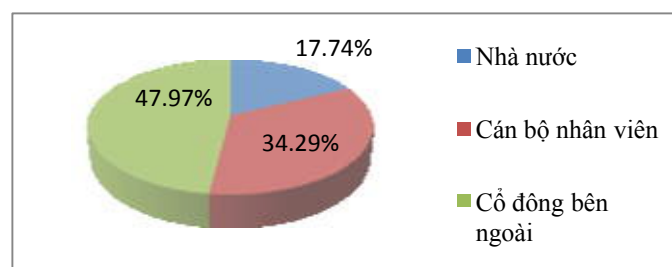
Hiện tại trên Sổ cổ đông của Công ty, Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đang nắm giữ: **2.217.600** cổ phiếu trong đó có: **1.848.000** cổ phiếu nằm trong danh sách cổ phiếu của cổ đông sáng lập.

Bảng 6- Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30/10/2007

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
1	Cổ đông ưu đãi	-	-	0%
2	Cổ đông phổ thông	12.500.000	125.000.000.000	100%
	Tổng	12.500.000	125.000.000.000	100%
1	Cán bộ công nhân viên	4.285.980	42.859.800.000	34,29
2	Cổ đông bên ngoài	5.996.420	59.964.200.000	47,97
3	Cổ đông Nhà nước	2.217.600	22.176.000.000	17,74
	Tổng	12.500.000	125.000.000.000	100%
1	Cổ đông trong nước	12.500.000	125.000.000.000	100%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
	Tổng	12.500.000	125.000.000.000	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh)

Biểu 1- Cơ cấu vốn điều lệ ngày 30/10/2007



(Nguồn: Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh)

Từ khi thực hiện cổ phần hóa năm 2005 đến nay Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh đã thực hiện quá trình tăng vốn điều lệ qua các giai đoạn sau:

- Năm 2006 công ty tiến hành phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chia cổ tức tăng vốn điều lệ từ 56.000.000.000 đồng lên 71.495.100.000 đồng theo Nghị quyết ĐHCĐ ngày 13/4/2006.
- Tháng 5 năm 2007 công ty tăng vốn điều lệ từ 71.495.100.000 đồng lên 117.783.200.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và trả cổ tức bằng cổ phiếu (462.881 cổ phiếu theo mệnh giá 100.000đ) theo Nghị quyết ĐHCĐ ngày 8/4/2007.
- Tháng 9 năm 2007 công ty tăng vốn từ 117.783.200.000 đồng lên 125.000.000.000 đồng thông qua hình thức phát hành cho nhà đầu tư chiến lược và cán bộ trong công ty theo Nghị quyết ĐHCĐ ngày 8/4/2007.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Hiện nay Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh có 3 công ty con.

Bảng 7- Danh sách các công ty con

T T	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (Đồng)	Tỷ lệ nắm giữ của Công ty mẹ
1	Công ty cổ phần Phương Mai - Quảng Ninh	Xã Phương Nam- Thị xã Uông Bí- Quảng Ninh	4.086.419.903	38,1%
2	Công ty Cổ phần Hải Long	Khu Công nghiệp Cái Lân - Giếng Đáy - Hạ Long	8.242.200.000	58%%
3	Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Thanh Sơn	Tổ 10 Phường Thanh Sơn - Thị xã Uông Bí - Quảng Ninh	5.601.000.000	65,5%

(Nguồn: Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh)



Đối với Công ty cổ phần Phương Mai- Quảng Ninh: Công ty Cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh có quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2005 của Công ty cổ phần Phương Mai.

6. Hoạt động kinh doanh

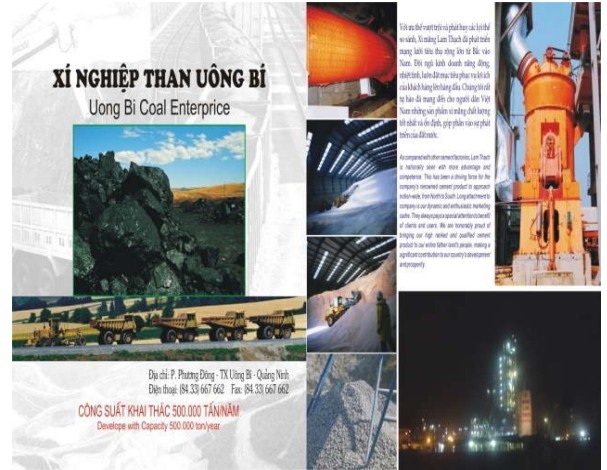
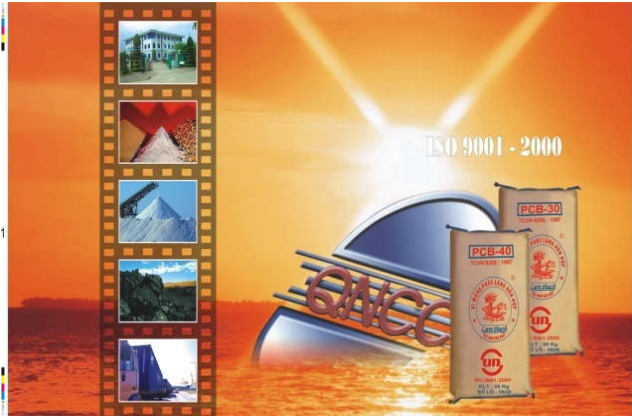
6.1. Sản phẩm

Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh với phương châm kinh doanh đa ngành, đa nghề nên các sản phẩm của Công ty rất phong phú và đa dạng. Ngoài lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến than hiện nay Công ty còn mở rộng sản xuất kinh doanh sang lĩnh vực thi công cơ giới, xây lắp công trình dân dụng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp.

Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Cung cấp các sản phẩm vật liệu xây dựng như: Xi măng PCB 30; PCB 40; sản xuất đá xây dựng, sản xuất than, vật liệu xây dựng...
- Cung cấp các dịch vụ thi công cơ giới, các công trình chung cư...
- Cung cấp các dịch vụ khác như khách sạn, san lấp, đào ủi...

Hình ảnh về sản phẩm của Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh



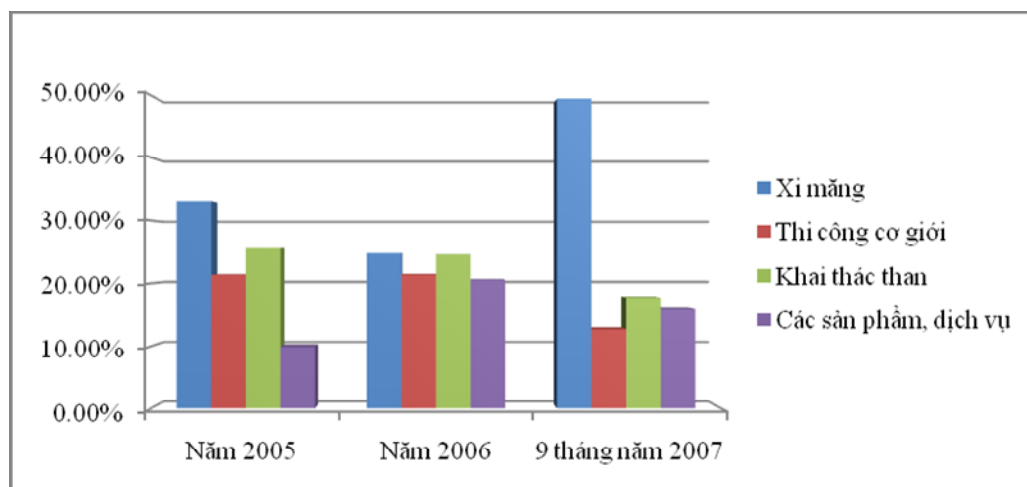
Bảng 8- Tỷ trọng sản phẩm dịch vụ qua các năm trên tổng doanh thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Năm 2005		Năm 2006		9 tháng năm 2007	
		Giá trị	Tỷ trọng %DT	Giá trị	Tỷ trọng %DT	Giá trị	Tỷ trọng %DT
1	Xi măng	104.292,73	33,13	115.276,93	25,01	208.033,34	49,49
2	Thi công cơ giới	67.330,87	21,39	98.827,88	21,44	53.323,93	12,68
3	Khai thác than	81.251,66	25,81	114.180,77	24,77	74.397,73	17,70
4	Các sản phẩm dịch vụ khác	31.210,59	9,92	94.674,52	20,54	66.571,12	15,84
5	XN xây dựng Uông Bí	16.413,22	5,21	24.019,78	5,21	9.200,18	2,19
6	XN xây dựng Hạ Long	14.258,33	4,53	14.031,96	3,04	8.855,08	2,11
7	Tổng	314.757,40	100	461.011,84	100	420.381,38	100

Nguồn: Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh

Biểu 2- Tỷ trọng sản phẩm qua các năm



(Nguồn: Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh)



6.2. Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính để sản xuất ra xi măng là đá vôi, đất sét, than cám 4A-VD, xỉ sắt, than cám C. Trong đó đá vôi được Công ty khai thác tại xã Phương Nam cách nhà máy 500m, đất sét được khai thác tại Bãi Soi.

Ngoài những nguyên liệu chính Công ty còn sử dụng những nguyên liệu phụ để sản xuất xi măng như thạch cao cục Trung Quốc, đá đen, xỉ Phả Lại.

Sự ổn định của nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu của Công ty luôn được cung cấp đầy đủ về số lượng, chất lượng với giá thành hợp lý. Nguồn đá vôi, đất sét, đá đen do Công ty tự khai thác tại các mỏ do Nhà nước cung cấp với trữ lượng sử dụng khoảng 50 năm. Mặt khác do các nhà máy của Công ty đều nằm trong vùng than của Quảng Ninh nên nguồn cung cấp than rất kịp thời và thuận lợi. Còn xỉ Phả Lại luôn được cung cấp bởi những nhà cung cấp uy tín.

Bảng 9- Danh sách các nhà cung cấp nguyên vật liệu

STT	Nhà cung cấp	Nước
1	Tập đoàn Than- Khoáng sản Việt Nam	Việt Nam
2	Công ty TNHH Đông Phong Phú Thọ	Việt Nam
3	Công ty cổ phần Gốm xây dựng Thanh Sơn	Việt Nam
4	Xí nghiệp Đá Uông Bí	Việt Nam
5	Công ty hợp tác kinh tế	Việt Nam
6	Công ty cổ phần Công nghiệp và dịch vụ Cao Cường	Việt Nam

🌈 Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Bảng 10- Đơn giá nguyên liệu chính và phụ qua các năm 2004, 2005, 2006, 2007

Đơn vị tính: VND đồng

STT	Danh mục	ĐVT	Đơn giá 2004	Đơn giá 2005	Đơn giá 2006	Đơn giá quý I,II,III năm 2007
I	Nguyên vật liệu chính					
1	Than cám 4A- VD	Tấn	322.000	425.250	375.900	446.880
2	Xi sắt	Tấn	140.000	290.000	290.000	320.000
3	Đất sét	M3	Cty tự cung cấp	Cty tự cung cấp	Cty tự cung cấp	Cty tự cung cấp
4	Đá vôi	M3	Cty tự cung	Cty tự cung cấp	Cty tự cung cấp	Cty tự cung cấp

			cấp				
5	Than cám C					435.000	525.420
II	Nguyên vật liệu phụ						
1	Thạch cao cục Trung Quốc	Tấn	420.000	435.000	435.000	435.000	460.000
2	Đá đen	M3	Cty tự cung cấp	Cty tự cung cấp	Cty tự cung cấp	Cty tự cung cấp	Cty tự cung cấp

(Nguồn: Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh)

Nhìn chung giá nguyên vật liệu là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty do chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng từ 52% đến 57% trong tổng chi phí toàn doanh nghiệp. Chi phí lớn nhất trong sản xuất xi măng là chi phí về điện và chi phí về than, hai ngành này đều do Nhà nước quản lý và điều tiết, nếu chi phí điện, than tăng thì tất yếu sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến chi phí và lợi nhuận. Đối với giá cả của các loại nguyên vật liệu khác khi có sự thay đổi thì cũng đều gây ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty, tuy nhiên sự thay đổi này không lớn.

Để hạn chế ảnh hưởng biến động của giá nguyên vật liệu đến chi phí sản xuất, Công ty áp dụng một số biện pháp sau:

- Luôn luôn cải tiến máy móc thiết bị, áp dụng những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, quản lý sản xuất chặt chẽ nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm nhằm giảm chi phí nguyên nhiên vật liệu, tránh thất thoát, lãng phí nguyên liệu.
- Tăng cường quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 – 2000, quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 nhằm duy trì một hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý môi trường có hiệu quả, góp phần tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu, giảm thiểu sự lãng phí và hủy hoại môi trường.
- Áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp về quản lý sử dụng các đòn bẩy tiền lương, tiền thưởng, nâng cao ý thức của người lao động nhằm tăng năng suất lao động, đồng nghĩa với việc tiết kiệm các chi phí cũng như các tài nguyên, nguồn lực khác của Công ty.

6.3. Chi phí sản xuất

Bảng 11- Cơ cấu chi phí sản xuất trên doanh thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHI PHÍ	2005		2006		9 tháng năm 2007	
	GT	%/DT	GT	%/DT	GT	%/DT
Giá vốn hàng bán	297.152,41	85,90	420.701,64	85,74	316.196,47	78,83
Chi phí bán hàng	6.755,80	1,95	8.620,91	1,76	10.156,89	2,53
Chi phí quản lý	18.390,13	5,32	26.714,75	5,44	36.601,85	9,12
Tổng cộng	322.298,34	93,17	456.030,39	92,94	362.955,21	90,49

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2006 và quyết toán 9 tháng năm 2007)

Giá vốn hàng bán qua các năm chiếm tỷ trọng lớn trên tổng doanh thu. Trong năm 2006 giá vốn hàng bán tăng 123.549,23 triệu đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 41,58%. Sự gia tăng này phản ánh khối lượng sản phẩm tiêu thụ, dịch vụ cung cấp tăng hơn so với năm 2005. Có được điều này là do Công ty luôn cam kết chất lượng hàng đầu, giá cả cạnh tranh, mạng lưới đại lý mở rộng trên toàn tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh lân cận.

6.4. Trình độ công nghệ

Hiện nay tại nhà máy xi măng Lam Thạch II đang áp dụng dây chuyền sản xuất xi măng tiên tiến đang thịnh hành tại Châu Âu. Đây là phương pháp sản xuất xi măng lò quay theo phương pháp khô công nghệ của Đức với ưu điểm vượt trội: Đảm bảo xi măng sản xuất ra có chất lượng cao nhất, đảm bảo an toàn thân thiện với môi trường, tiết kiệm chi phí sản xuất so với phương pháp sản xuất xi măng ướt hoặc bán khô. Hiện nay Công ty đang sử dụng máy nghiền con lăn công nghệ của Đức với ưu điểm giảm thiểu chi phí điện năng (tiết kiệm 15% điện năng so với máy nghiền bi) ngoài ra còn giảm tiếng ồn và nồng độ bụi.

Quy trình sản xuất xi măng của Công ty hiện nay như sau:

- ✚ Đá vôi được khai thác tại mỏ đá Phương Nam được vận chuyển đến dây chuyền nghiền sàng công suất 250 tấn/h của Thụy Điển.
- ✚ Sau khi nghiền hạt cỡ nhỏ 40 mm được vận chuyển theo băng tải về kho đồng nhất sơ bộ dưới sự kiểm tra định lượng của cân băng điện tử. Đất sét được vận

chuyển bằng băng tải qua sự kiểm soát của cân băng điện tử vào kho đồng nhất theo tỷ lệ 1/5. Sau khi hai nguyên liệu này được đồng nhất sơ bộ sẽ được đưa qua các thiết bị rải liệu và rút liệu vận chuyển bằng băng tải về các két chứa của trạm cân băng định lượng. Thông qua phần mềm đã được tự động hoá Bauxits và Pyrit cũng được đưa vào máy nghiền nguyên liệu với độ chính xác cao. Máy nghiền liệu con lăn kiểu đứng theo công nghệ Đức giúp nghiền nguyên liệu đạt độ mịn < 12%. Sau khi các nguyên liệu được nghiền mịn được hệ thống băng gầu vận chuyển về Silo chứa để đưa vào nung Clinker.

- ✚ Hệ thống nung Clinker gồm có tháp trao đổi nhiệt, buồng quay lò phân huỷ, thiết bị làm nguội Clinker. Tháp trao đổi nhiệt gồm 1 nhánh 5 tầng xiclo. Buồng phân huỷ được đốt hoàn toàn bằng than cám 3 Cg đạt hiệu suất cao. Đây là công nghệ đã được áp dụng tại các nhà máy xi măng liên doanh như Chinfon, Nghi Sơn Thanh Hoá...
- ✚ Bột liệu được rút từ các Xiclo qua hệ thống gầu tải, qua tháp trao đổi nhiệt về lò phân giải qua nhiệt độ 800- 900°C được vận chuyển theo hướng lò quay từ đầu đến đuôi lò quay để phân giải hết lượng CaCo₃ dư. Clinker sau khi nung được tiến hành làm lạnh được vận chuyển qua hệ thống băng gầu vào các Xiclo chứa Clinker.
- ✚ Hệ thống nghiền xi măng sử dụng máy nghiền bi hoạt động chu trình khép kín với hệ thống phân ly hiệu suất cao có năng suất 60 tấn/h, đảm bảo sản phẩm ra đạt độ mịn 3200cm²/ g. Clinker cùng với các phụ gia và thạch cao được hệ thống cân băng điện tử định lượng đưa vào máy nghiền bi để nghiền. Sản phẩm sau khi hoàn thành được các gầu nâng vận chuyển đến thiết bị đóng bao xi măng.
- ✚ Hệ thống đóng bao xi măng sử dụng 1 máy đóng bao 8 vòi với năng suất 90- 100 tấn/h. Hệ thống sản xuất xi măng được trang bị:

- + 01 tuyến xuất xi măng bao đường thuỷ với năng suất 100 T/h.
- + 02 tuyến xuất xi măng bao đường bộ với năng suất mỗi tuyến 100 T/h.
- + 01 tuyến xuất Clinker ra cảng năng suất 100 T/h.
- + 01 tuyến xuất xi măng rời cho ô tô năng suất 120 T/h.

Quá trình sản xuất của nhà máy được thực hiện với hệ thống tự động hoá ở mức độ cao và thực hiện điều khiển tập trung tại Phòng điều khiển trung tâm. Đây là chương trình tối ưu hoá cho sản xuất được áp dụng để kiểm soát toàn bộ các hoạt động của nhà máy và điều chỉnh sản xuất kịp thời khi các thông số công nghệ thay đổi.

Bảng 12- Một số hệ thống máy móc thiết bị sản xuất xi măng của Công ty

STT	Tên thiết bị	Công suất	Năm sử dụng	Nước sản xuất
1	Trạm đập đất sét	50 T/h	3/2007	Trung Quốc
2	Hệ thống đập đá vôi, vận chuyển đá vôi	250 T/h	3/2007	Thụy Điển
3	Hệ thống thiết bị rải liệu kiểu bên kho đá vôi và đất sét	250 T/h	3/2007	Trung Quốc
4	Thiết bị rải liệu than, bauxít, pyrits	50 T/h	3/2007	Trung Quốc
5	Máy nghiền liệu con lăn	75T/h	3/2007	Đức
6	Silo đồng nhất	4000 T	3/2007	Việt Nam
7	Tháp trao đổi nhiệt	5 tầng Xiclon	3/2007	Trung Quốc
8	Thiết bị làm nguội Clinker kiểu ghi	1000 T/h	3/2007	Trung Quốc
9	Lò quay	1000T/ ngày	3/2007	Trung Quốc
10	Nhà nghiền than	14 T/h	3/2007	Trung Quốc
11	Thiết bị phân ly nghiền than	13-15 T/h	3/2007	Trung Quốc
12	Silo Clinker	10.000T	3/2007	Trung Quốc



13	Máy nghiền bi nghiền xi măng	60 T/h	3/2007	Đức
14	Thiết bị phân ly nghiền xi măng	50- 110 T/h	3/2007	Trung Quốc
15	Si lô xi măng	2x5000 T	3/2007	Việt Nam
16	Thiết bị xuất xi măng rời	120 T/h	3/2007	Trung Quốc
17	Thiết bị đóng bao xi măng	90- 100 T/h	3/2007	Trung Quốc

(Nguồn: Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh)

Bảng 13- Năng lực thiết bị phục vụ thi công cơ giới

STT	Loại thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất
1	Máy đo trắc địa SOKIA – SET51o	Nhật	2005
2	Máy đào thủy lực 330B	Nhật	2005
3	Máy khoan CPY 100-35	Nhật	2005
4	Máy xúc SOLA 200W	Nhật	2005
5	Máy xúc đào 04224	Nhật	2005
6	Máy khoan Rooc 601	Thụy Điển	2005
7	Máy gạt KOMATSU D65 A	Nhật	2005
8	Máy khoan Tamrock Pentera 1100	Thụy Điển	2005
9	Máy ủi bánh xích KOMATSU D 85P -21	Nhật	2005
10	Máy ủi bánh xích CAT D9L 14Y- 03398	Mỹ	2005
11	Xe ô tô tự đổ VOLVO 16m3	Thụy Điển	2006
12	Máy đầm rung 300 tấn	Mỹ	2006

Một số hình ảnh máy móc, thiết bị phục vụ thi công cơ giới



Máy gạt D9G công suất 385 mã lực - SX tại Mỹ



Máy san MITSUBISHI công suất 125 mã lực - SX tại Nhật Bản



Máy bơm bê tông



Xe bơm bê tông - Wait Zinger - CHLB Đức



Xe trộn bê tông dung tích 8m³



Máy san đường MITSUBISHI - SX tại Nhật Bản



Máy đào thủy lực CAT 330B - Sản xuất tại Mỹ



Máy đầm rung CAT CS433 - Sản xuất tại Mỹ



Máy đào CAT 330B – Caterpillar



Trạm trộn Bê tông công suất 45m³/h -
CHLB Đức



Máy khoan TAMROCK đường kính 115 mm - Sản xuất
tại Hà Lan



Máy phá bỏ đá RAMER C500 EHP

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Trên cơ sở tích cực đầu tư nâng cao năng lực, thiết bị thi công và nhân lực, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, quản lý, bên cạnh việc sản xuất xi măng PCB 30 truyền thống Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh đang có dự án xây dựng Nhà máy xi măng Lam Thạch II mở rộng để sản xuất xi măng PCB 40 với những ưu điểm vượt trội như độ kết dính lớn, tốn ít chi phí nguyên liệu hơn so với PCB 30. Ngoài ra, Công ty còn đẩy mạnh đầu tư máy móc, thiết bị bên mảng cơ giới tập trung san lấp, đào ủi. Đây là mảng đem lại doanh thu khá lớn cho Công ty trong những năm vừa qua.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Công ty luôn xác định: "Chất lượng là uy tín, là hiệu quả", do đó đã áp dụng nhiều biện pháp quản lý kỹ thuật và kiểm tra chất lượng sản phẩm như:

- Xây dựng, áp dụng và liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 .

- ✚ Xây dựng và ban hành quy định quản lý kỹ thuật, chất lượng công trình. Xây dựng các biện pháp công nghệ thi công hợp lý, nâng cao năng suất, triệt để tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.
- ✚ Thường xuyên giáo dục cán bộ công nhân viên có ý thức coi trọng chất lượng. Đào tạo để họ nâng cao năng lực của chính mình, làm chủ thiết bị và công nghệ nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất.

Sản phẩm của Công ty được kiểm tra chất lượng chặt chẽ theo 3 công đoạn do ban KCS và tổ quản lý công nghệ thuộc Phòng kế hoạch kỹ thuật thực hiện như sau:

- ✚ Kiểm tra đầu vào do ban KCS đảm nhiệm: bao gồm kiểm tra toàn bộ nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, các loại vật tư đầu vào. Với mỗi loại đối tượng, ban KCS phải thực hiện đúng chế độ kiểm tra, đủ các loại chỉ tiêu quy định tương ứng với mức yêu cầu đã định; ghi chép đầy đủ kết quả kiểm tra; xử lý các loại vật tư không đạt yêu cầu theo đúng hướng dẫn và chỉ được phép đưa vào sản xuất những vật tư đảm bảo chất lượng theo quy định.
- ✚ Kiểm tra trong quá trình sản xuất do tổ quản lý công nghệ đảm nhiệm. Tổ này làm việc theo 3 ca liên tục, kiểm tra kiểm soát 24/24 giờ, đảm bảo quá trình sản xuất từ khâu chuẩn bị nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; nghiền liệu; nung clinker; nghiền xi măng và đóng bao theo đúng quy trình kỹ thuật và các quy định của hệ thống quản lý chất lượng hiện hành. Yêu cầu đặt ra là phải đảm bảo kiểm tra đúng chế độ, đúng đối tượng đủ chỉ tiêu và đúng các điểm kiểm tra mà quy trình đã quy định. Đối với những nguyên liệu, vật liệu, bán thành phẩm không đạt yêu cầu, tổ quản lý công nghệ phải xử lý theo đúng quy định và chỉ được phép đưa tiếp vào khâu sản xuất sau những nguyên liệu, vật liệu, bán thành phẩm đã kiểm tra đạt chất lượng ở những khâu trước đó.
- ✚ Kiểm tra sản phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng do ban KCS và tổ quản lý công nghệ thực hiện. Quy trình kiểm tra sản phẩm xuất xưởng đã quy định rõ chế độ kiểm tra, các chỉ tiêu và các điểm kiểm tra đối với xi măng trước khi nhập kho. Các nhân viên KCS và quản lý công nghệ phải thực hiện đúng quy định về kiểm tra đảm bảo 100% số lượng xi măng xuất xưởng đạt và vượt TCVN 6260:1997.

6.7. Hoạt động Marketing

- ✚ Bên cạnh việc công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm sản xuất ra Công ty luôn tạo mối quan hệ gắn bó với khách hàng, coi quyền lợi của Công ty cũng là quyền lợi của khách hàng. Qua các ý kiến tại hội nghị khách hàng, qua việc tiếp xúc thực tế tại các đại lý và người sử dụng, Công ty có các quyết định kịp thời để điều chỉnh trong quá trình sản xuất và tiêu thụ. Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng các

chính sách chiết khấu khác nhau đối với từng loại khách hàng cụ thể, tạo tính hấp dẫn trong chính sách khách hàng của Công ty.

- ✚ Ngoài ra Công ty tập trung tìm cách để giá bán sản phẩm phải thấp hơn sản phẩm cùng loại tạo nên sức cạnh tranh lớn. Để có giá cạnh tranh, Công ty áp dụng nhiều biện pháp để hạ giá thành sản phẩm. Ngoài việc duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO:9001 và hệ thống nội quy, quy chế nhằm kiểm soát chặt chẽ giá cả, số lượng, chất lượng nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào, lãnh đạo Công ty còn đặc biệt quan tâm đến việc đề ra các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp, phát động và khuyến khích phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất máy móc thiết bị, tiết kiệm nhiên liệu và chi phí động lực, có chính sách tiền lương, tiền thưởng hợp lý để tạo đòn bẩy kích thích người lao động, nâng cao năng suất lao động. Vì vậy, giá bán của sản phẩm được khách hàng chấp nhận và mang tính cạnh tranh.
- ✚ Mặt khác hàng năm Công ty đều lập và đưa vào kế hoạch một khoản chi phí thỏa đáng cho công tác quảng cáo khuyến khích trưng sản phẩm.
- ✚ Để có thêm khách hàng mới, Công ty có Bộ phận Tiêu thụ thị trường thường xuyên phát hiện và tạo dựng thêm các đại lý lớn trên thị trường tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là các khu vực thành phố, thị xã; mở rộng các khách hàng là các cơ sở sản xuất; cải tiến các chính sách giá cả, chiết khấu, có chế độ khuyến khích thỏa đáng cho các khách hàng tiêu thụ tốt. Công ty cũng tiến hành quảng cáo qua một số phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình và báo chí, tham gia các hội chợ triển lãm, các cuộc thi về chất lượng sản phẩm, phát hành các loại tờ rơi cấp cho các đại lý và khách hàng.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng nhãn hiệu thương mại:





- Logo Công ty là một hình elip nghiêng về phía trước, tượng trưng là một quả địa cầu và cũng mang ý nghĩa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là đa ngành nghề.



Năm dòng kẻ tượng trưng cho 05 nhóm ngành nghề chính của Công ty:

- Nhóm ngành sản xuất chế biến than, khai thác chế biến phụ gia cho sản xuất xi măng
 - Nhóm ngành sản xuất xi măng, sản xuất vật liệu xây dựng, đá xây dựng, đá ốp xẻ, gạch xây, tấm lợp xi măng, sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn.
 - Nhóm ngành thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp làm đường giao thông, san lấp mặt bằng, vận tải thủy bộ, khảo sát thăm dò, tư vấn thiết kế mỏ và xây dựng, đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và dân cư.
 - Nhóm ngành xuất nhập khẩu các loại vật tư, phụ tùng máy móc thiết bị và vật liệu xây dựng.
 - Nhóm ngành thi công và xây dựng các công trình thủy lợi, kinh doanh cảng biển, kinh doanh vận tải sông biển, kho vận, sản xuất kinh doanh bao bì đựng xi măng, kinh doanh thương mại, khách sạn, nhà hàng, nuôi trồng thủy sản, kinh doanh bất động sản.
- Màu tím than của 5 dòng kẻ mang tượng trưng cho sự uy tín, thủy chung với các khách hàng của Công ty
 - Màu sắc của tên Công ty mang màu đỏ sậm là gam màu công nghiệp, hiện đại, mạnh mẽ.

Nhìn một cách tổng thể logo của Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh luôn luôn phát triển và đích đến trở thành tập đoàn kinh tế mạnh trong tương lai gần.

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 14- Một số Hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

STT	Tên hợp đồng	Đối tác	Phạm vi cung cấp chính	Thời gian thực hiện	Giá trị (nghìn VND)
I	025/VIII/2007/PI.V E-QNCC	Công ty PT. Vietmindơ Energitama	Bốc xúc và vận chuyển đất đá trên khai trường mỏ	T9/2007-T9/2008	90.500.000
II	Hợp đồng kinh tế bán Clinker				
	01/HĐKT-TT	Công ty thương mại và vận tải Phùng Hưng	Cung cấp 40.000 T/năm	1/1/2007-31/12/2007	16.400.000
	02/HĐKT-TT	Công ty thương mại và vận tải Trường Thành	Cung cấp 50.000 T/năm	1/1/2007-31/12/2007	20.750.000
	01/HĐKT- LQ	Công ty thương mại và vận tải Phùng Hưng	Cung cấp 100.000 T/năm	1/7/2007-31/12/2007	49.000.000
	02/HĐKT- LQ	Công ty thương mại và vận tải Trường Thành	Cung cấp 180.000 T/năm	15/1/2007-31/12/2007	86.400.000
III	Hợp đồng kinh tế bán xi măng				
	Xi măng PCB- 30				
1	02/HĐKT-TT	Công ty TNHH Thành Đạt	Cung cấp 1.500 T/ tháng	1/1/2007-31/12/2007	877.500
2	06/HĐKT-TT	Doanh nghiệp Tư nhân và thương mại Tân Lộc	Cung cấp 1.500 T/tháng	1/1/2007-31/12/2007	930.000



3	08/HĐKT-TT	Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Hải	Cung cấp 1.500 T/tháng	26/9/2007-31/12/2007	825.000
4	10/HĐKT-TT	Công ty cổ phần thương mại Vĩnh Thành	Cung cấp 1.000 T/ tháng	1/10/2007-31/12/2007	545.000
Xi măng PCB-40					
1	02/HĐKT-TT	Công ty TNHH Thành Đạt	Cung cấp 1.500 T/ tháng	1/1/2007-31/12/2007	885.000
2	08/HĐKT-TT	Công ty cổ phần thương mại Dịch vụ Thuận Hải	Cung cấp 1.500 T/ tháng	26/9/2007-31/12/2007	855.000
3	10/HĐKT-TT	Công ty cổ phần thương mại Vĩnh Thành	Cung cấp 2.000 T/ tháng	1/10/2007-31/12/2007	1.130.000
4	10A/HĐKT-TT	Xí nghiệp xây dựng Hạ Long	Cung cấp 24.000 T/năm	3/3/2007-31/12/2007	16.320.000
5	10/HĐKT-TT	Công ty cổ phần thương mại Vĩnh Thành	Cung cấp 500 T/tháng	1/10/2007-31/12/2007	26.500

(Nguồn: Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh)



7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD của Công ty trong 2 năm gần nhất

Bảng 15- Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD

Đơn vị : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Tăng, giảm	% tăng, giảm	9 tháng năm 2007
Tổng giá trị tài sản	654.456,09	926.510,12	272.054,03	41,56	966.925,28
Doanh thu thuần	345.889,24	490.663,49	144.774,25	41,85	401.079,96
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	19.639,49	25.085,20	5.445,71	27,73	21.744,49
Lợi nhuận khác	1.344,01	3.690,91	2.346,90	174,61	12.704,41
Lợi nhuận trước thuế	20.983,51	29.277,47	8.293,96	39,53	34.448,91
Lợi nhuận sau thuế	20.873,26	28.750,67	7.877,41	37,74	33.778,11
Lợi ích của cổ đông thiểu số	657,69	401,29	-256,40	-38,98	-
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	20.215,57	28.349,37	8.133,8	40,23	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	87,23%	92.05%	4,82%	5,53	-
Tỷ lệ trả cổ tức	27%	36,5%	9,5%	35,18	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2006 và quyết toán 9 tháng)

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

Trong năm 2006 Công ty Cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh đã đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm đáp ứng nhu cầu của địa bàn tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh lân cận.



Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại một cách linh hoạt cho các đại lý và các khách hàng lớn đã giúp Công ty tiêu thụ nhanh được sản phẩm. Mặt khác do Công ty chủ động được nguồn nguyên liệu nên không bị ảnh hưởng nhiều do sự biến động giá của nguyên liệu. Với hệ thống chất lượng quản lý Công ty đang áp dụng giúp cho Công ty kiểm soát được chi phí trong sản xuất. Do vậy mặc dù giá vốn hàng bán của Công ty trong năm 2006 tăng nhiều so với năm 2005 nhưng chủ yếu là sự gia tăng khối lượng thành phẩm tiêu thụ. Cộng hưởng nhiều yếu tố tích cực về thị trường cũng như công nghệ kỹ thuật Công ty đang sở hữu đã đem lại lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2006 tăng 40,23% so với năm 2005. Cùng với đó, uy tín chất lượng, thương hiệu sản phẩm của Công ty cũng được khẳng định, đông đảo người tiêu dùng tin nhiệm.

8. Vị thế Công ty trong ngành

Ngành xi măng đóng góp khoảng 9-11% vào tỷ trọng công nghiệp GDP, 4% vào tổng trị giá GDP. Đây là nguồn vật liệu chính trong ngành xây dựng, và đặc biệt quan trọng trong tình hình đất nước đang tăng trưởng mạnh với tốc độ tăng trưởng vững chắc khoảng 7% trong suốt 5 năm qua. Khu vực Châu Á dẫn đầu thế giới trong việc mở rộng sản xuất và tiêu thụ xi măng, đặc biệt là trong 5 năm qua, riêng khu vực Châu Á tiêu thụ 70% xi măng. Trong 2004, khu vực này có đến 45% nhu cầu về xi măng. Điều này là kết quả của quá trình phát triển công nghiệp hóa của các nước này với nhiều dự án xây dựng lớn. Ngành xi măng phát triển vượt mức mong đợi, tăng đến 90% ở khu vực Đông Nam Á, 70% ở khu vực miền Nam Châu Á và 1% ở khu vực Bắc Mỹ. Hiện tại, Việt Nam đứng thứ 3 trong khu vực trong việc tiêu thụ xi măng, chỉ sau Indonexia và Thái Lan. Các công ty xi măng Việt Nam có công suất khoảng 29 triệu tấn xi măng và 19 triệu tấn clinker chỉ đủ đáp ứng 85% nhu cầu trong nước. Theo Bộ thương mại, lượng xi măng đầu ra sẽ vào khoảng 50 triệu tấn trong 2010 với sức tăng khoảng 8-10% hàng năm.

Với chất lượng vượt trội, thương hiệu được khẳng định và được người tiêu dùng tin tưởng sử dụng các sản phẩm xi măng PCB 30; PCB 40 của Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh không những được tiêu thụ mạnh trong địa bàn tỉnh Quảng Ninh mà còn vươn ra chiếm lĩnh các địa bàn lân cận như: Hà Nội; Bắc Giang; Bắc Ninh; Hải Phòng; Hải Dương; Thái Bình... Tuy phải cạnh tranh với một số đối thủ mạnh như : Xi măng Hoàng Thạch; xi măng Chifon; xi măng Phúc Sơn; xi măng Hải Phòng nhưng với ưu thế về công nghệ; giá cả; chất lượng cùng với mạng lưới tiêu thụ sản phẩm rộng khắp thị phần tiêu thụ xi măng của Công ty chiếm 70% thị trường trong tỉnh Quảng Ninh và 30% thị phần ở các tỉnh nêu trên.



8.1. Những lợi thế cạnh tranh của Công ty

- Công ty có bề dày hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh xi măng.
- Nguồn nguyên liệu chính là đá vôi và đất sét có trữ lượng lớn, chất lượng tốt, gần nhà máy thuận tiện cho việc khai thác phục vụ nhu cầu sản xuất
- Sản phẩm của Công ty có uy tín lâu năm trên thị trường. Thương hiệu xi măng Lam Thạch đã được đông đảo người tiêu dùng chấp nhận và tin cậy.
- Thiết bị dây chuyền đạt mức tiên tiến của khu vực, được đầu tư thích hợp, tiết kiệm và hiệu quả; hệ thống sản phẩm phong phú, đa dạng với chất lượng cao và giá cả hợp lý.
- Có hệ thống đại lý và các cửa hàng phủ khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước đảm bảo các sản phẩm của Công ty đến tận tay người tiêu dùng.
- Thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2000
- Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ, kinh nghiệm, năng động, đội ngũ công nhân lành nghề, gắn bó với Công ty.

8.2. Những khó khăn

- Hiện nay trên địa bàn Quảng Ninh có 2 nhà máy xi măng đang tiến hành xây dựng và dự kiến đến cuối năm 2007 sẽ đi vào hoạt động. Sự ra đời của Nhà máy xi măng Thăng Long và nhà máy xi măng Cẩm Phả sẽ làm cho cuộc chiến cạnh tranh cung cấp xi măng ở tỉnh Quảng Ninh trở nên khốc liệt hơn.
- Trong năm 2007 công ty sẽ tiến hành đầu tư một số dự án lớn như: Dự án Nhà máy Xi măng Lam Thạch II. Vốn đầu tư cho dự án rất lớn so với hiện nay tỷ lệ nợ/ Tổng tài sản của Công ty đã rất lớn.
- Trên địa bàn Quảng Ninh ngoài các sản phẩm của các nhà máy xi măng tại địa phương sản phẩm của Công ty phải đối mặt với các sản phẩm của Công ty liên doanh với chất lượng đảm bảo, mẫu mã phong phú, giá cả cạnh tranh cùng với các chiến dịch quảng cáo, khuyến mại lớn.

8.3. Những cơ hội phát triển

- Nhu cầu tiêu thụ xi măng cả nước vẫn còn ở mức cao, cung chưa đáp ứng đủ cầu. Thương hiệu xi măng Lam Thạch có uy tín cao trên thị trường với chất lượng ổn định và giá cả cạnh tranh.
- Việt Nam tham gia các tổ chức kinh tế lớn bên cạnh những thách thức cũng đem lại cho các Công ty cơ hội hợp tác đầu tư về công nghệ cũng như vốn.

- Mức sống của người dân không ngừng được nâng cao trong những năm gần đây và đô thị hoá đang diễn ra trong cả nước với tốc độ nhanh chóng. Những nhân tố này sẽ đảm bảo chắc chắn cho sản phẩm đầu ra của Công ty trong những năm tiếp theo.

8.4. Những thách thức đối với Công ty

- Sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp trong cùng ngành sản xuất xi măng trong và ngoài nước. Hiện nay đã có rất nhiều doanh nghiệp nước ngoài xây dựng nhà máy và lắp đặt dây chuyền sản xuất tại Việt Nam sự cạnh tranh về giá cả và chất lượng từ các công ty này là rất lớn. Không chỉ chịu sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài Công ty còn chịu áp lực lớn từ các công ty, nhà máy sản xuất xi măng rất lớn trong nước...
- Việc trốn thuế, gian lận trong kinh doanh chưa được ngăn chặn triệt để dẫn đến sự cạnh tranh không lành mạnh.

8.5. Triển vọng phát triển ngành

Căn cứ quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng đến 2010 và định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, dự báo đến năm 2015, nhu cầu xi măng trong toàn quốc được phân bổ theo năng lực sản xuất ở 3 miền và 8 vùng kinh tế như sau:

Bảng 16- Dự báo nhu cầu xi măng trong toàn quốc

Đơn vị: Triệu tấn

Miền - Vùng kinh tế		Nhu cầu xi măng năm 2010	Nhu cầu xi măng năm 2015
Miền	Vùng		
Bắc	Tây Bắc	0,70	0,94
	Đông Bắc	3,98	5,32
	Đồng bằng sông Hồng	13,10	17,50
Trung	Bắc Trung Bộ	4,92	6,56
	Nam Trung Bộ	3,74	5,00
	Tây nguyên	1,17	1,56
Nam	Đông Nam Bộ	12,17	16,25

	Đồng bằng sông Cửu Long	7,02	9,37
Cả nước		46,80	62,5

(Nguồn: Quyết định số 108/2005/QĐ-TTg ngày 16/05/2005 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020)

Với giả định mức tiêu thụ xi măng của các vùng, miền ổn định như trong giai đoạn vừa qua thì Tổng công ty xi măng Việt Nam dự báo nhu cầu tiêu thụ xi măng trong nước tăng trung bình 11% tính từ năm 2007 trở đi. Tổng công ty xi măng Việt nam có bảng dự báo nhu cầu tiêu thụ xi măng đến năm 2012 như sau:

Bảng 17- Dự báo nhu cầu xi măng trong toàn quốc từ 2007 đến 2012

Đơn vị: triệu tấn/năm

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Nhu cầu	35,09	38,59	42,46	46,80	51,37	56,51

(Nguồn: Dự báo của Tổng công ty xi măng Việt Nam)

Căn cứ quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng đến 2010 và định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, dự báo đến năm 2015, dự kiến tiến độ huy động sản lượng của các nhà máy xi măng hiện có như sau:

Bảng 18- Dự báo sản lượng của các nhà máy xi măng trong toàn quốc từ 2007 đến 2012

Đơn vị: triệu tấn/năm

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Sản lượng	26,88	34,23	44,84	51,76	57,15	61,06

(Nguồn: Quyết định số 108/2005/QĐ-TTg ngày 16/05/2005 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020)

Trên cơ sở dự báo nhu cầu và khả năng cung cấp xi măng hiện có trong ngành xi măng tới năm 2010, ta có thể cân đối khả năng cung, cầu xi măng trên thị trường như sau:

Bảng 19- Cân đối cung cầu xi măng cả nước từ 2007 đến 2012

Đơn vị: triệu tấn/năm

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Sản lượng	26,88	34,23	44,84	51,76	57,15	61,06
Nhu cầu	35,09	38,59	42,46	46,8	51,37	56,51
Cân đối	-8,21	-4,36	2,38	4,96	5,78	4,55

(Nguồn: Quyết định số 108/2005/QĐ-TTg ngày 16/05/2005 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 và dự báo của Tổng Công ty xi măng Việt Nam)

Theo tiến trình hội nhập, mở cửa của thị trường xi măng Việt Nam thì hiện nay clinker và xi măng không còn nằm trong danh mục các mặt hàng cần có giấy phép khi nhập khẩu và mức thuế nhập khẩu clinker chỉ được tính mức tối đa là 5%. Do vậy, khả năng thâm nhập thị trường Việt Nam của các nhà xuất khẩu clinker và xi măng trong khu vực Đông Nam Á là rất lớn. Tuy nhiên, giá xăng dầu tăng, việc thuê tàu thủy khó khăn, mặt khác, clinker là mặt hàng bụi, nặng nên cước vận chuyển cao. Việc nhập khẩu clinker về Việt Nam sẽ có giá cao, do đó clinker chỉ có thể được nhập khẩu về khi nhu cầu trong nước quá cao mà nguồn cung không thể đáp ứng.

Từ năm 2009 trở đi, theo tính toán thị trường tiêu thụ xi măng trong nước sẽ cân bằng với năng lực sản xuất của ngành công nghiệp xi măng. Theo dự báo của Hiệp hội xi măng Việt Nam, với đà phát triển mạnh như hiện nay, đến 2010-2012, sản lượng xi măng trong nước sẽ đạt trên 60 triệu tấn, khả năng ngành xi măng cung sẽ vượt cầu khoảng 10 đến 12 triệu tấn. Tuy nhiên, thị trường xi măng trong nước hiện nay vẫn tiếp tục tăng trưởng cao và ổn định. Các doanh nghiệp trong nước một mặt có cơ hội phát triển vì thị trường vẫn còn tiềm năng, mặt khác sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh về chất lượng và giá cả và sẽ không có chính sách bảo hộ đáng kể nào của nhà nước và địa phương. Đây là khó khăn lớn nhất mà nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh xi măng trong nước phải vượt qua nhất là các doanh nghiệp mới đầu tư theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

8.6. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước.

Theo Quyết định số 108/2005/QĐ-TTg ngày 16/05/2005 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, mục tiêu phát triển của ngành công nghiệp xi măng Việt Nam



là đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng xi măng trong nước (cả về số lượng và chủng loại), có thể xuất khẩu khi có điều kiện; đưa ngành xi măng Việt Nam thành một ngành công nghiệp mạnh, có công nghệ hiện đại, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế trong tiến trình hội nhập. Dự báo nhu cầu xi măng trong toàn quốc giai đoạn 2007-2012 tăng bình quân khoảng 10%/năm.

Với tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm gần đây, đời sống của người dân được nâng cao nhiều, do đó nhu cầu sử dụng các dịch vụ cũng tăng. Hiệp hội xi măng Việt Nam dự báo, nhu cầu xi măng trong các năm tới vẫn tiếp tục tăng do Việt Nam vừa gia nhập Tổ chức thương mại Thế giới (WTO) nên có nhiều cơ hội để đẩy mạnh hợp tác kinh tế, quốc tế và phát triển đất nước, nhất là mức đầu tư cho xây dựng ngày càng tăng. Trong những năm qua, tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp này đều duy trì ở mức trên 10%/năm.

Trong giai đoạn 2007-2010, Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh đặt ra mục tiêu tốc độ tăng trưởng bình quân/năm của sản lượng sản phẩm toàn Công ty đạt trên 10% một năm. Điều này phù hợp với chiến lược phát triển của Chính phủ và của ngành đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

9. Chính sách với người lao động

9.1. Cơ cấu lao động

Tổng số người lao động trong Công ty tính đến ngày 30/9/2007 là 2.943 người. Trong đó, cơ cấu theo trình độ lao động như sau:

Bảng 20- Cơ cấu lao động theo trình độ lao động

STT	Trình độ lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	197	6,7
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	718	24,40
3	Công nhân kỹ thuật	1866	63,40
4	Lao động phổ thông	162	5,50

(Nguồn: Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh)

9.2. Chính sách với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động, thực hiện dưới các hình thức sau:

Chế độ làm việc

- **Thời gian làm việc:** Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5.5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h, thời gian làm việc của các xưởng sản xuất trực tiếp được chia thành 3 ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và có những đãi ngộ thỏa đáng.
- **Nghỉ phép, nghỉ tết, nghỉ lễ:** Nhân viên được nghỉ lễ và tết theo quy định của Bộ Luật lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại công ty từ 12 tháng trở lên, được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, nếu làm dưới 12 tháng thì số ngày nghỉ phép được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 5 năm làm việc, nhân viên được cộng thêm một ngày nghỉ phép.
- **Nghỉ ốm, thai sản:** Nhân viên được nghỉ ốm 3 ngày trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 – 05 tháng với chế độ bảo hiểm đúng theo quy định do Bảo hiểm xã hội chi trả, còn được hưởng thêm 50% lương theo hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- **Điều kiện làm việc:** Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- **Tuyển dụng:** Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng rõ ràng, tuyển dụng thông qua các nguồn lao động từ các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp và lao động phổ thông trên địa bàn. Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh rất cần đội ngũ lao động có trình độ kỹ thuật cao. Tùy từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: Có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

- **Chính sách thu hút nhân tài:** Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng với công hiến chất xám, đặc biệt là đối với các nhân viên giỏi, nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan. Điều này, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, vừa thu hút được lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.
- **Đào tạo:** Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ISO 9001: 2000. Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo nghề nghiệp và các kỹ năng cho người lao động thông qua các hình thức đào tạo tập trung, đào tạo kèm cặp, gửi đào tạo bên ngoài. Công ty sẽ hỗ trợ từ 50 – 100% kinh phí cho các trường hợp lao động tự đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng liên quan ... phù hợp với nghề nghiệp và được Công ty phê duyệt. Đối với nhân viên mới tuyển dụng, Công ty sẽ tiến hành đào tạo nghiệp vụ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động sớm thích nghi và nắm bắt được công việc mới. Ngoài ra căn cứ vào nhu cầu phát triển của công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức như: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khóa huấn luyện ... Kết quả mỗi khóa đào tạo phải được báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- **Chính sách lương:** Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo Quy định của Nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên của công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả làm việc, đóng góp cho công ty, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ trên thành tích của từng cá nhân và tập thể trong việc thực hiện công việc đạt hiệu quả cao, có sáng kiến cải tiến công việc ... Ngoài ra Công ty còn có chế độ thưởng lương vào cuối năm, tùy thuộc vào kết quả sản xuất kinh của Công ty trong năm mà số lương thưởng sẽ tăng giảm tương ứng.
- **Bảo hiểm và phúc lợi:** Việc trích nộp bảo hiểm, xã hội, bảo hiểm y tế được công ty trích nộp đúng theo quy định hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm



xã hội cho người lao động theo Luật Lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

- **Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên:** Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của cán bộ công nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích làm việc, Công ty đã thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ công nhân viên của Công ty mua cổ phần với giá ưu đãi khi Công ty chuyển sang hình thức Công ty Cổ phần.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Công ty phải đảm bảo sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các khoản nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.

Chính sách cổ tức của công ty đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và khả năng mở rộng sản xuất và tăng trưởng trong tương lai, tỷ lệ cổ tức năm 2006 là 36,5%. Những năm tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện chính sách cổ tức theo định hướng: ổn định lâu dài và ưu tiên cho đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, đầu tư phát triển, mở rộng hoạt động SXKD của Công ty. Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty năm 2007 là 37%.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Báo cáo tài chính của Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam (VND) tuân theo các Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005, Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và đã được Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 21/TT-BTC ngày 20/03/2006. Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.



- Trích khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	2,5

- Thu nhập bình quân của CBCNV năm 2006 là 1,85 triệu đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập cao so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác trong cùng ngành, cùng địa bàn.
- Các khoản vay đến hạn trong năm đều đã được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn.
- Trích lập các Quỹ theo luật định: việc trích lập các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ Công ty quyết định, việc sử dụng các quỹ hàng năm do HĐQT Công ty quyết định trên cơ sở các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Năm 2006 Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại thời điểm 31/12/2006 là: 87.487.115 đồng.
- Tổng dư nợ vay của Công ty trong 02 năm gần nhất

Bảng 21- Dư nợ vay trong năm 2005, 2006 và 9 tháng năm 2007

Đơn vị: VND

Khoản mục	Năm 2005	Năm 2006	9 tháng năm 2007
Nợ ngắn hạn	71.597.640.240	120.579.204.922	121.190.834.536
Nợ dài hạn	297.352.418.018	437.502.608.895	407.723.142.336

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2006 và quyết toán 9 tháng năm 2007)

- Tình hình công nợ hiện nay:

Bảng 22- Tình hình công nợ phải thu năm 2005, 2006 và 9 tháng năm 2007

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2005	31/12/2006	9 tháng năm 2007
Phải thu từ khách hàng	93.882.579.043	127.935.722.997	115.326.290.270
Trả trước cho người bán	606.074.930	1.173.611.072	134.033.644
Phải thu nội bộ	-	-	397.462.901
Phải thu khác	52.701.538.998	50.760.109.881	71.931.154.046
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2006 và quyết toán 9 tháng năm 2007)

Bảng 23- Tình hình công nợ phải trả năm 2005, 2006 và 9 tháng năm 2007

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2005	31/12/2006	9 tháng năm 2007
Phải trả người bán	32.253.069.553	56.752.251.480	41.460.677.997
Người mua trả tiền trước	11.130.838.116	18.006.383.218	5.589.894.765
Phải trả công nhân viên	8.532.376.133	13.092.114.749	14.862.947.597
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	2.892.941.720	4.998.370.807	2.779.937.243
Các khoản phải trả khác	141.058.693.555	159.614.658.083	171.528.139.821
Phải trả nội bộ	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	297.352.418.018	437.502.608.895	407.723.142.336
Dự phòng trợ cấp việc làm	274.600.008	892.111.005	1.063.106.135

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2006 và quyết toán 9 tháng năm 2007)

✚ Các khoản đầu tư dài hạn khác:

- + Trong năm 2006 khoản đầu tư dài hạn của Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh tại Khách sạn Hồng Gai giảm từ 9.855.970.095 đồng xuống 0 đồng. Nguyên do là trong năm 2005 Khách sạn Hồng Gai (hay Công ty liên doanh khách



sản xây dựng Hạ Long) là Công ty liên doanh do Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh và Công ty XD Ngân Hà, Công ty TNHH Vạn Lý góp vốn liên doanh. Ngày 1/6/2006, Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh mua lại phần vốn góp của hai đối tác liên doanh và Khách sạn Hồng Gai trở thành công ty thành viên 100% vốn của Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh.

- + Tại thời điểm ngày 31/12/2006 khoản đầu tư dài hạn khác 353.032.161 đồng là khoản của Xí nghiệp Xây dựng Uông Bí cho Công ty cổ phần Xây dựng Phương Nam-135 vay.

✚ Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:

Tại thời điểm ngày 31/12/2006 khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh là: 1.428.329.873 đồng. Đây chính là khoản Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Xây dựng Phương Nam -135 với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết là 45,1% trong đó:

- + Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh góp vốn vào Công ty cổ phần Xây dựng Phương Nam: 218.000.000 đồng
- + Xí nghiệp Xây dựng Hạ Long góp vốn: 234.500.000 đồng
- + Vốn góp của Xí nghiệp Xây dựng Uông Bí: 88.400.000 đồng

Trong đó: Xí nghiệp Xây dựng Hạ Long và Xí nghiệp Xây dựng Uông Bí là 2 đơn vị trực thuộc của Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh.

- + Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty cổ phần Xây dựng Phương Nam-135 chia cho Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh theo tỷ lệ lợi ích năm 2006 là: 887.429.872 đồng

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 24- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>TSLĐ / Nợ ngắn hạn</i>	0,82	0,91
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	0,71	0,75
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,87	0,88
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	7,33	8,11
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		



+ Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân</i>	14,32	9,31
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,53	0,53
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,06	0,06
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,26	0,28
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,03	0,03
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	0,06	0,05

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2006 và quyết toán 9 tháng năm 2007)

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

1. Ông: Cao Quang Duyệt- Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính	Nam
Ngày sinh	17/8/1947
Nơi sinh	Hoa Lư - Đông Hưng - Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hoa Lư- Đông Hưng- Thái Bình
Địa chỉ thường trú	Số 347- Quang Trung- Uông Bí- Quảng Ninh
Số ĐT cơ quan	033. 841.645
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư khai thác mỏ
Quá trình công tác	Tổng số năm công tác: 40 năm. - Tháng 12/1968 đến tháng 8/1972: Phó giám đốc phân xưởng mỏ Vàng Danh. - Tháng 9/1972 đến tháng 9/1984: Đảng uỷ viên mỏ than Vàng Danh

- Tháng 10/1974 đến tháng 7/1977: Bí thư chi bộ trường Bồ túc văn hoá Trung ương.
- Tháng 8/1977 đến tháng 8/1982: Bí thư Trường Đại học Mỏ địa chất
- Tháng 9/1984 đến tháng 5/1986: Ủy viên thường trực thường vụ Đảng uỷ mỏ Vàng Danh
- Tháng 7/1988 đến tháng 5/1990: Phó giám đốc xí nghiệp than Uông Bí
- Tháng 1/1990 đến tháng 12/1996: Giám đốc xí nghiệp Than Uông Bí
- Tháng 1/1997 đến nay: Bí thư Đảng Ủy, Giám đốc Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh

Chức vụ công tác hiện nay	Bí thư Đảng Ủy, Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	391.770
Số cổ phần đại diện cho nhà nước	0
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:	+ Vợ: Nguyễn Thị Liên nắm giữ 28.290 cổ phần + Con trai : Cao Tiến Dũng nắm giữ 21.030 cổ phần + Con gái: Cao Thị Bích Diệp nắm giữ 20.000 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

2. Ông: Phạm Văn Chính- Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính Nam



Ngày sinh	12/7/1962
Nơi sinh	Xã Khánh Nhạc- Huyện Yên Khánh- Tỉnh Ninh Bình
Quốc Tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Khánh Nhạc- Huyện Yên Khánh- Tỉnh Ninh Bình
Địa chỉ thường trú	Tổ 10 khu 11A- Phường Hồng Hải- Hạ Long- Quảng Ninh
Số DT cơ quan	
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Trưởng phòng thuế Thu nhập Doanh nghiệp- Chi cục trưởng Chi cục Thuế- Cục trưởng Cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại Doanh nghiệp- Phó giám đốc Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Giám đốc Sở Tài chính Quảng Ninh
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	0
Số cổ phần đại diện cho nhà nước	2.217.600
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	Con trai: Phạm Đức Liêm nắm giữ 40.200 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

**3. Ông: Đinh Đức Hiền- Thành viên Hội đồng quản trị**

Giới tính	Nam
Ngày sinh	14/01/1956
Nơi sinh	Phú Bình- Thái Nguyên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hiệp Hoà- Hưng Yên- Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú	Trung Vương- Uông Bí- Quảng Ninh
Số ĐT cơ quan	033.841.645
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Tháng 10/1994 đến tháng 10/1996: Phó Giám đốc, Ủy viên Ban chấp hành đảng uỷ Công ty xây dựng nhà ở Uông Bí- Tháng 11/1996 đến tháng 3/1997: Phó Giám đốc, Ủy viên Ban chấp hành lâm thời Đảng uỷ Công ty kinh doanh nhà ở Quảng Ninh- Tháng 3/1997 đến nay: Phó Giám đốc, Ủy viên Ban thường vụ Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	155.890
Số cổ phần đại diện cho nhà nước	0
Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan:	Vợ: Phạm Thị Lương nắm giữ: 2.060 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không



Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

4. Ông: Phạm Văn Điện- Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính	Nam
Ngày sinh	25/02/1960
Nơi sinh	Hung Đạo- Chí Linh- Hải Dương
Quốc Tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hung Đạo- Chí Linh- Hải Dương
Địa chỉ thường trú	Tổ 1- Khu 11- Thanh Sơn- Uông Bí - Quảng Ninh
Số ĐT cơ quan	033.841.645
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Năm 1990 đến tháng 4/1992: Cán bộ tiểu đoàn - Đại úy Quân đội- Tháng 4/1994 đến tháng 2/1997: Phó Giám đốc xí nghiệp Xây dựng thị xã Uông Bí- Quảng Ninh- Tháng 3/1997 đến nay: Giám đốc xí nghiệp XD và SXVLXD - Công ty Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh
Chức vụ công tác hiện nay	Giám đốc xí nghiệp XD và SXVLXD - Công ty Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	153.010
Số cổ phần đại diện cho nhà nước	0
Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan:	Em trai: Phạm Khắc Sáng nắm giữ 11.580 cổ phần



Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

5. Bà: Đào Thị Đầm- Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính	Nữ
Ngày sinh	4/3/1964
Nơi sinh	Từ Mạc - Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương
Quốc Tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Từ Mạc - Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương
Địa chỉ thường trú	Từ Mạc - Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương
Số DT cơ quan	
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Trung cấp
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Năm 1982 đến năm 1990: Công nhân kỹ thuật công ty xây dựng số 16- Năm 1990 đến năm 1998: Kế toán Công ty xây dựng số 16- Năm 1998 đến năm 2003: Phó Giám đốc Công ty Phùng Hưng- Năm 2003 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Trường Thành.
Chức vụ công tác hiện nay	Giám đốc Công ty TNHH Trường Thành
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	120.440
Số cổ phần đại diện cho nhà nước	0
Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan:	Không



Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

6. Ông: Đinh Trọng Công- Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính	Nam
Ngày sinh	22/8/1962
Nơi sinh	Đội Sơn- Duy Tiên- Nam Hà
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Đội Sơn- Duy Tiên- Nam Hà
Địa chỉ thường trú	Tổ 24 A- khu 7- Quang Trung- Uông Bí- Quảng Ninh
Số ĐT cơ quan	033.841.645
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Tháng 2/1986 đến tháng 7/1989: Đội trưởng công trường khai thác than- Tháng 4/1993 đến tháng 6/1995: Phó quản đốc phân xưởng khai thác xí nghiệp than- Tháng 7/1995 đến tháng 6/1999: Phó Quản đốc, Quản đốc phân xưởng Công ty xi măng và xây dựng Uông Bí- Tháng 7/1999 đến tháng 12/2000: Đội phó đội cơ giới Công ty xi măng và xây dựng Quảng Ninh- Tháng 1/2001 đến tháng 6/2003: Quản đốc đội cơ giới Công ty xi măng và xây dựng Quảng Ninh- Tháng 7/2003 đến nay: Giám đốc xí nghiệp thi công cơ giới số I- Công ty xi măng và xây dựng Quảng Ninh.



Chức vụ công tác hiện nay	Giám đốc Xí nghiệp thi công cơ giới số 1- Công ty xi măng và xây dựng Quảng Ninh
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	103.140
Số cổ phần đại diện cho nhà nước	0
Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan:	Vợ: Vũ Thị Hương nắm giữ 1.170 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

7. Ông : Linh Thế Hưng-- Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính	Nam
Ngày sinh	25/01/1958
Nơi sinh	Xã An Sơn- Huyện Thủy Nguyên- Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thành phố Hạ Long- Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú	Phường Bãi Cháy- Thành phố Hạ Long- Quảng Ninh
Số ĐT cơ quan	033.841.645
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Năm 1977 đến năm 1983: Viện thiết kế kiến trúc Quảng Ninh- Năm 1983 đến năm 1985: Công ty Xây dựng số 2 Quảng Ninh- Năm 1985 đến năm 1987: Giáo viên giảng dạy- Phó phòng thực hành trường công nhân kỹ thuật xây dựng Quảng Ninh



- Năm 1987 đến năm 1995: Đội trưởng đội xây dựng- Công ty xây dựng nhà ở Ưông Bí- Quảng Ninh
- Năm 1995 đến năm 1998: Phó ban QLDA XD NMXM Lam Thạch
- Năm 1998 đến năm 2000: Trưởng phòng Kỹ thuật xây dựng- Công ty xi măng và xây dựng Quảng Ninh
- Năm 2000 đến nay: Giám đốc XN Hạ Long- Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh

Chức vụ công tác hiện nay	Giám đốc XN Hạ Long- Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	121.200
Số cổ phần đại diện cho nhà nước	0
Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

8. Ông : Nguyễn Hữu Tường- Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính	Nam
Ngày sinh	12/02/1947
Nơi sinh	Thôn Trần Bãi- Xã Đình Xá- Huyện Bình Lục- Hà Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Đình Xá- Huyện Bình Lục- Hà Nam
Địa chỉ thường trú	Phường Yên Thanh- Ưông Bí- Quảng Ninh



Số ĐT cơ quan	033.841.645
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Trung cấp Kế toán
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Năm 1965 đến năm 1975: Nhân viên Phòng Kế toán tài chính - Mỏ than Vàng Danh- Năm 1976 đến năm 1978: Phó phòng Kế toán tài chính- Mỏ than Vàng Danh- Năm 1979 đến năm 1984: Trưởng phòng Kế toán tài chính- Mỏ than Vàng Danh- Năm 1985 đến năm 1990: Trưởng phòng Kế toán tài chính- Nhà máy sửa chữa Ô tô Ưông Bí- Năm 1990 đến năm 1991: Trưởng phòng Vật tư xí nghiệp Than Quảng Ninh- Năm 1992 đến năm 1996: Phó Giám đốc Xí nghiệp Than Ưông Bí- Năm 1997 đến nay: Giám đốc Xí nghiệp Than Ưông Bí
Chức vụ công tác hiện nay	Giám đốc Xí nghiệp KT&CB Than
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	277.980
Số cổ phần đại diện cho nhà nước	0
Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan:	<ul style="list-style-type: none">+ Con dâu: Vũ Thị Thu Hương nắm giữ 203.240 cổ phần+ Con rể: Nguyễn Trường Giang nắm giữ 97.980 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

9. Ông : Trần Văn Hiếu- Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính Nam



Ngày sinh	9/02/1968
Nơi sinh	Thành phố Nam Định- Tỉnh Nam Định
Quốc Tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thành phố Nam Định- Tỉnh Nam Định
Địa chỉ thường trú	Tập thể Nhà máy xi măng Lam Thạch- Phường Nam- Ưông Bí- Quảng Ninh
Số ĐT cơ quan	033.841.645
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư hoá Silicat
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Năm 1997 đến năm 2000: Trưởng phòng KTCN Công ty xi măng 77 Tổng cục hậu cần- Năm 2000 đến năm 2001: Trưởng phòng hoá nghiệm- Công ty xi măng Kiện Khê Hà Nam- Năm 2002 đến nay: Giám đốc Nhà máy Xi măng Lam Thạch
Chức vụ công tác hiện nay	Giám đốc Nhà máy Xi măng Lam Thạch
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	100.000
Số cổ phần đại diện cho nhà nước	0
Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan:	Vợ: Tổng Thị Thanh Hà nắm giữ 5.680 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

**12.2. Ban kiểm soát****1. Ông : Hoàng Văn Thụy- Trưởng ban kiểm soát**

Giới tính	Nam
Ngày sinh	9/9/1950
Nơi sinh	Xã Ngũ Phúc- huyện Kim Thành- Tỉnh Hải Dương
Quốc Tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Ngũ Phúc- huyện Kim Thành- Tỉnh Hải Dương
Địa chỉ thường trú	Thanh Sơn- Uông Bí- Quảng Ninh
Số ĐT cơ quan	033.841.645
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế xây dựng
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Năm 1995- 1997: Cán bộ quản lý xí nghiệp than Uông Bí- Năm 1997- 1999: Trưởng phòng kế toán Nhà máy xi măng Lam Thạch- Năm 2000 đến 2001: Phó giám đốc xí nghiệp Hạ Long- Tháng 11/2001 đến 5/2004: Phó giám đốc ban quản lý khu công nghiệp Cái Lân- Tháng 5/ 2004- nay: Phó giám đốc Ban quản lý dự án khu công nghiệp Cái Lân kiêm trưởng phòng kinh tế ban quản lý dự án nhà máy xi măng mở rộng.
Chức vụ công tác hiện nay	Phó giám đốc Ban quản lý dự án khu công nghiệp Cái Lân kiêm trưởng phòng kinh tế ban quản lý dự án nhà máy xi măng mở rộng.
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	50.000



Số cổ phần đại diện cho nhà nước	0
Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan:	0
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

2. Ông: Nguyễn Ngọc Anh- Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính	Nam
Ngày sinh	10/9/1979
Nơi sinh	Xã An Sơn - Huyện Nam Sách - Tỉnh Hải Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã An Sơn- Huyện Nam Sách- Tỉnh Hải Dương
Địa chỉ thường trú	Tổ 3 khu 2 phường Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng Ninh
Số ĐT cơ quan	033.841.645
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	Từ 11/2001 đến nay: Nhân viên Văn phòng - Công ty Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh
Chức vụ công tác hiện nay	Nhân viên Văn phòng - Công ty Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	10.600
Số cổ phần đại diện cho nhà nước	0



Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

3. Ông : Trần Quang Tịnh- Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/05/1959
Nơi sinh	Xã Đại Tập - Huyện Châu Giang- Tỉnh Hưng Yên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Đại Tập- Huyện Châu Giang- Tỉnh Hưng Yên
Địa chỉ thường trú	Tổ 45 khu 12- Quang Trung- Uông Bí- Quảng Ninh1
Số ĐT cơ quan	033.841.645
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Từ 1/1980- 12/1989: Cán bộ kỹ thuật xí nghiệp xây dựng thị xã Uông Bí- Từ 1/1990- 3/1997: Trưởng phòng TCLĐTL xí nghiệp xây dựng thị xã Uông Bí- Từ 4/1997- 2/2000: Phó phòng TCLĐTL Công ty xi măng Xây dựng Quảng Ninh.- Từ 3/2000 đến nay: Trưởng phòng TCLĐTL công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh
Chức vụ công tác hiện nay	Trưởng phòng TCLĐTL Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh



Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	10.000
Số cổ phần đại diện cho nhà nước	0
Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan:	0
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

4. Ông: Kim Trọng Bộ- Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính	Nam
Ngày sinh	10/12/1964
Nơi sinh	Xã Hiệp Lực- Huyện Ninh Giang- Tỉnh Hải Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Hiệp Lực- Huyện Ninh Giang- Tỉnh Hải Dương
Địa chỉ thường trú	Phường Quang Trung- Uông Bí- Quảng Ninh
Số ĐT cơ quan	033.841.645
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế
Quá trình công tác	- Từ 2/1983 - 7/1986: Bộ đội tình nguyện tại Campuchia - Từ 10/1986 - 11/1991: Kế toán HTX Việt Thành- Quang Trung- Uông Bí - Từ 2/1992 - 6/1998: Kế toán Xí nghiệp Than Uông Bí - Trưởng ban than Công ty - Từ 7/1998 - nay: Trưởng phòng kinh tế tổng hợp xí nghiệp Khai thác và chế biến than Uông Bí - Công ty Xi măng và xây dựng Quảng Ninh



Chức vụ công tác hiện nay	Trưởng phòng kinh tế tổng hợp xí nghiệp Khai thác và chế biến than Uông Bí- Công ty Xi măng và xây dựng Quảng Ninh
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	23.860
Số cổ phần đại diện cho nhà nước	0
Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan:	0
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

**5. Ông : Phạm Quốc Hùng- Thành viên Ban kiểm soát**

Giới tính	Nam
Ngày sinh	5/8/1965
Nơi sinh	Vàng Danh - Uông Bí - Quảng Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Đông Vinh- Huyện Đông Hưng- Tỉnh Thái Bình
Địa chỉ thường trú	Khu 11- Thanh Sơn- Uông Bí- Quảng Ninh
Số ĐT cơ quan	033.841.645
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư khai thác mỏ
Quá trình công tác	- Tháng 7/2000 đến 3/2002: Phó giám đốc xí nghiệp khai thác và chế biến than Uông Bí - Tháng 4/2003 đến nay: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty xi măng và xây dựng Quảng Ninh
Chức vụ công tác hiện nay	Trưởng phòng kỹ thuật Công ty xi măng và xây dựng Quảng Ninh
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	22.400
Số cổ phần đại diện cho nhà nước	0
Số cổ phần của những người liên quan:	0
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

12.3. Ban Tổng giám đốc

1. Ông Cao Quang Duyệt – Tổng giám đốc (Lý lịch đã nêu ở trên)

2. Ông Đinh Đức Hiền- Phó Tổng giám đốc (Lý lịch đã nêu ở trên)

**3. Ông Phan Ngô Chứ- Phó Tổng giám đốc**

Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/02/1958
Nơi sinh	Vũ Chính- Vũ Thư- Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Vũ Chính- Vũ Thư- Thái Bình
Địa chỉ thường trú	Thanh Sơn- Uông Bí- Quảng Ninh
Số ĐT cơ quan	033.841.646
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư khai thác mỏ Hầm lò
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Tháng 12/1998 - 12/1989: Cán bộ phòng thiết kế Công ty Than Uông Bí- Phó Ban kỹ thuật mỏ Trường CNKT mỏ Việt Xô- Từ 01/1990 - 12/1996 Trưởng phòng kỹ thuật xí nghiệp Than Uông Bí- Phó ban quản lý công trình Nhà máy xi măng Lam Thạch- Từ 01/1997- 10/1997 Giám đốc nhà máy Xi măng Lam Thạch- Từ 11/ 1997 – 09/2001 Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Xi măng và xây dựng Quảng Ninh- Từ 10/2001 đến nay Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh.
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	37.460
Số cổ phần đại diện cho nhà nước	0



Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan:	Vợ: Lương Thị Nụ nắm giữ 2.120 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

12.4. Kế toán trưởng**Bà: Đoàn Thị Dung- Kế toán trưởng**

Giới tính	Nữ
Ngày sinh	10/10/1956
Nơi sinh	Quỳnh Lương- Quỳnh Phụ- Thái Bình
Quốc Tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Quỳnh Lương- Quỳnh Phụ- Thái Bình
Địa chỉ thường trú	Tổ 1 khu I Phường Thanh Sơn- thị xã Uông Bí- Quảng Ninh
Số ĐT cơ quan	033.841.642
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Năm 1977: Làm nhân viên tại Công ty ăn uống dịch vụ Uông Bí- Năm 1985: Kế toán trưởng Công ty ăn uống dịch vụ Uông Bí- Năm 1990: Chuyển về làm việc tại Phòng Tài chính thị xã Uông Bí- Năm 1995: Phó phòng kế toán xí nghiệp than Uông Bí- Năm 1997 đến nay: Kế toán trưởng Công ty xi măng và xây dựng Quảng Ninh.
Chức vụ công tác hiện nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh.



Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	31.600
Số cổ phần đại diện cho nhà nước	0
Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan:	Em trai: Đoàn Vũ Dinh nắm giữ 4.700 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13. Tài sản**Bảng 25- Giá trị tài sản của Công ty tại ngày 30/9/2007**

Đơn vị: VND

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	738.335.381.550	224.553.253.478	513.782.128.072
Nhà cửa, vật tư kiến trúc	301.591.021.229	81.983.023.965	219.607.997.264
Máy móc thiết bị	423.341.083.072	133.734.531.963	289.606.551.109
Phương tiện vận tải	7.783.572.801	5.732.908.535	2.050.664.266
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5.042.752.997	2.704.083.241	2.338.669.756
Tài sản cố định khác	576.951.451	398.705.774	178.245.677
Tài sản cố định vô hình	29.601.123.985	4.724.139.000	24.876.984.985

(Nguồn: Quyết toán 9 tháng năm 2007)

Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng của Công ty tại thời điểm 30/9/2007

- o Tổng diện tích đất đai: 2.161.321 m²

Bảng 26- Tình hình nhà xưởng đất đai của Công ty tại thời điểm 30/09/2007

STT	Địa điểm	Diện tích	Thời hạn	Loại hình
1	Văn phòng	21.810 m ²	50 năm	Thuê đất
2	Nhà xưởng, hầm lò, mỏ tài nguyên	854.336,50m ²	Đối với hầm mỏ 6 năm cấp lại 1 lần Nhà xưởng thuê 50 năm	Thuê đất
3	Kho bãi	187.709m ²	50 năm	Thuê đất
4	Kinh doanh hạ tầng	577.870,5m ²	Theo luật định	Theo luật định

Nguồn: Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2007
Bảng 27- Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức năm 2007-2009
Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	% Tăng giảm	Giá trị	% Tăng giảm	Giá trị	% Tăng giảm
Doanh thu	520.000	5,97%	660.000	26,92%	800.000	21,21%
Giá vốn	442.000	5,06%	561.000	16,74%	680.000	21,21%
Lợi nhuận gộp	78.000	11,49%	99.000	26,92%	120.000	21,21%
Lãi/ lỗ trước thuế	40.000	39%	45.000	12,50%	55.000	122%
Lợi nhuận sau thuế	34.400	19,65%	38.700	12,50%	48.000	124%
Tỷ lệ LNST/ Doanh thu thuần	6,61%	10,17%	5,86%	-11,35%	5,38%	-8,20%
Tỷ lệ LNST/ Vốn chủ sở hữu	20,23%	-27,75%	22,76%	12,51%	25,29%	11,11%
Tỷ lệ cổ tức	37%	1,37%	24,57%	-33,60%	31%	26,17%

(Nguồn: Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh)

- Trong 9 tháng đầu năm 2007 Công ty đã đạt được những kết quả sau: Doanh thu đạt 77,13% và lợi nhuận sau thuế đạt 98,20 % so với kế hoạch đề ra. Để đạt được kế hoạch đặt ra trong năm 2007 Công ty đề ra những giải pháp thực hiện cụ thể như sau:
 - ✚ Một mặt Công ty tiếp tục đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm ở thị trường truyền thống và tìm kiếm những thị trường mới.
 - ✚ Mặt khác Công ty thực hiện tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng, triệt để tiết kiệm chi phí nguyên liệu, phát triển mạng lưới phân phối sản phẩm.
 - ✚ Với dự án Xi măng Lam Thạch II ưu thế vượt trội về công nghệ cũng như sự ổn định về nguồn nguyên liệu, Công ty đưa sản phẩm xi măng PCB 40 tiêu thụ và chiếm lĩnh thị trường. Sản phẩm xi măng PCB 40 trong tương lai gần sẽ là sản phẩm chủ đạo đem lại doanh thu chính cho Công ty.
 - ✚ Bên cạnh sản phẩm truyền thống xi măng Công ty cũng chú trọng kinh doanh mảng thi công cơ giới. Sở hữu đội ngũ công nhân lành nghề cùng thiết bị máy móc hiện đại hiện nay doanh thu thi công cơ giới chiếm tỷ trọng không nhỏ trên tổng doanh thu của Công ty trong những năm vừa qua.



- ✚ Năm 2008 Công ty dự kiến mức chi trả cổ tức là 24,57% giảm so với năm 2007 vì trong năm 2008 Công ty dành một phần lợi nhuận sau thuế để hoàn thiện, mở rộng nhà máy Xi măng Lam Thạch II và đồng thời đầu tư vào hai dự án phát điện nhiệt dư của hai dây chuyền Nhà máy xi măng Lam Thạch II và Dự án tiểu khu công nghiệp phường Yên Thanh, thị xã Uông Bí.
- Đồng thời theo Nghị quyết ĐHCĐ bất thường ngày 21/10/2007 Công ty có kế hoạch phát hành tăng vốn điều lệ từ 125 tỷ đồng lên 140 tỷ đồng trong quý I năm 2008 nhằm huy động vốn đầu tư cho 2 dự án: Dự án phát điện nhiệt dư của hai dây chuyền Nhà máy Xi măng Lam Thạch II và Dự án khu tiểu thủ công nghiệp phường Yên Thanh, thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Mặt khác với mục tiêu phát triển hướng kinh doanh đa ngành nghề Công ty đã mạnh dạn đầu tư vào kinh doanh khách sạn, nhà ở chung cư cao cấp... Điều này được thể hiện thông qua các dự án Công ty đã và đang thực hiện như:

Dự án đầu tư mở rộng nhà máy Xi măng Lam Thạch II

Nhà máy xi măng Lam Thạch II được xây dựng với tổng mức đầu tư 511 tỷ đồng, công suất thiết kế 500.000 tấn/năm. Đây là một dự án lớn do Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh làm chủ đầu tư. Nhà máy xi măng Lam Thạch II được xây dựng theo công nghệ sản xuất xi măng lò quay hiện đại và được đầu tư đồng bộ từ khâu khai thác nguyên liệu đầu vào đến khâu vận chuyển, sản xuất và đến khâu tiêu thụ theo một dây chuyền khép kín nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo năng suất cao. Riêng hệ thống tự động hóa các dây chuyền của Nhà máy được đầu tư bằng công nghệ bằng hệ điều khiển DCS thế hệ mới của Đức, kết hợp với các thiết bị điện tử của hãng ABB của Thụy Sĩ và máy phân tích nhanh LABX- 3500 OXFORD của Anh nhằm đảm bảo độ chính xác cao trong việc kiểm soát các công đoạn sản xuất. Nhà máy xi măng Lam Thạch II đã được đưa vào chạy thử và sản xuất từ cuối tháng 12/2006 với 2 mặt hàng là xi măng POOCLĂNG PCB 40 và CLINKER PC 50. Các sản phẩm của Nhà máy đã được tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam cấp giấy chứng nhận phù hợp TCVN.

- ✚ Tên dự án: Dự án đầu tư mở rộng nhà máy xi măng Lam Thạch
- ✚ Chủ đầu tư: Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh
- ✚ Địa điểm xây dựng: Xã Phương Nam- Thị xã Uông Bí- Quảng Ninh

i) Những căn cứ xây dựng dự án:

- + Căn cứ công văn số 2194/ UB ngày 25/12/2003 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc cho Công ty xi măng và xây dựng Quảng Ninh đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất xi măng tại nhà máy xi măng Lam Thạch



- + Căn cứ công văn số 624/ UB ngày 09/04/2004 của UBND tỉnh Quảng Ninh đồng ý cho Công ty Xi măng và xây dựng Quảng Ninh đầu tư mở rộng Nhà máy xi măng Lam Thạch và giao cho Công ty tự thẩm định dự án, tự quyết định đầu tư và thực hiện theo đúng quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành.
- + Căn cứ quyết định số 786/QĐ-UB ngày 03/04/2001; giấy phép số 1022 KTM/UB ngày 24/05/1995 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc cho phép công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh khai thác đá vôi tại xã Phương Nam- Uông Bí.
- + Căn cứ quyết định số 3996/ QĐ- UB ngày 06/11/2003 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc cho phép công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh khai thác mỏ sét tại phường Thanh Sơn và Bãi Soi tại thị xã Uông Bí- tỉnh Quảng Ninh.
- + Căn cứ quyết định số 448/QĐ-CĐT ngày 03/05/2004 về việc phê duyệt Dự án đầu tư và Quyết định số 0105/QĐ-CĐT ngày 04/05/2004 của Chủ đầu tư về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu Dự án đầu tư mở rộng Nhà máy xi măng Lam Thạch công suất 1.000 tấn/ngày.

ii) Sự cần thiết của Dự án:

- + Việc đầu tư mở rộng nhà máy xi măng Lam Thạch với công suất 300.000 tấn clinker/năm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về chất lượng sản phẩm cũng như về qui mô thị trường và cơ hội phát triển trong tương lai.
- + Tăng thị phần, giữ vững vị trí hàng đầu của Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh cũng như địa bàn lân cận.
- + Tạo lợi nhuận và doanh thu phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn 2007- 2011.
- + Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên: đá vôi Phương Nam, đất sét Bãi Soi sẵn có với chất lượng tốt để sản xuất xi măng chất lượng cao.
- + Nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm, tạo lợi thế cạnh tranh, tạo sự khác biệt nổi trội của sản phẩm, khẳng định thương hiệu của xi măng Lam Thạch.
- + Đa dạng hóa sản phẩm, nhằm mở rộng thị trường và tăng tính ổn định trong sản xuất kinh doanh.
- + Góp phần phát triển công nghiệp địa phương tỉnh Quảng Ninh và tạo việc làm cho người lao động.
- + Tăng nguồn thu ngân sách cho Nhà nước cũng như của địa phương.

iii) Sản phẩm của nhà máy:

Nhà máy Xi măng Lam Thạch II tập trung sản xuất sản phẩm chính là Xi măng PCB 40.



STT	Danh mục	Đơn vị	Số lượng
1	Xi măng PCB 40	T/năm	360.000
2	Xi măng bao	T/năm	324.000
3	Xuất xi măng bao đường bộ	T/năm	194.000
4	Xuất xi măng bao đường thủy	T/năm	129.600
5	Xuất xi măng rời đường bộ	T/năm	36.000

iv) Địa điểm xây dựng nhà máy:

Nhà máy Xi măng Lam Thạch mở rộng được xây dựng tại xã Phương Nam- thị xã Uông Bí- tỉnh Quảng Ninh. Địa điểm xây dựng nhà máy có nhiều điểm thuận lợi cả về giao thông đường bộ và đường thủy:

Giao thông đường bộ:

- + Nhà máy cách Quốc lộ 18 (nối Hà Nội qua Bắc Ninh và xuyên suốt tỉnh Quảng Ninh) khoảng 3 km.
- + Đường 10 đi qua bên cạnh nhà máy nối tỉnh Quảng Ninh với Hải Phòng và Thái Bình

STT	Từ nhà máy xi măng	Đường bộ (km)
1	Thành phố Hà Nội	110
2	Tỉnh Bắc Giang (thị xã Bắc Giang)	98
3	Tỉnh Bắc Ninh (thị xã Bắc Ninh)	78



4	Thành phố Hải Phòng	18
5	Tỉnh Thái Bình (thị xã Thái Bình)	92
6	Tỉnh Hải Dương (thị xã Hải Dương)	75

Giao thông đường thủy:

- + Sông Hang Mai chảy ra sông Đá Bạch cách nhà máy 400m là tuyến đường thủy quan trọng cho phép tàu phà có tải trọng 700 DWT.

v) Dự kiến thị trường tiêu thụ sản phẩm:

- + Thị trường tiêu thụ của nhà máy xi măng Lam Thạch dự kiến bao gồm trong tỉnh và các tỉnh lân cận, thuận tiện về giao thông đường thủy, đường bộ. Cụ thể: Tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh, thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, Hải Dương, tỉnh Thái Bình.
- + Đây là khu vực thị trường rộng lớn với tổng dân số trên 11218,6 nghìn người chiếm 14,7% dân số cả nước. Theo số liệu thống kê lượng tiêu thụ xi măng của các tỉnh này trong những năm gần đây dao động từ 24-26% so với cả nước, chiếm ½ lượng tiêu thụ xi măng toàn miền Bắc. Trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế xã hội, kinh tế của các tỉnh trong khu vực này dự kiến sẽ tiếp tục duy trì ở mức 25% và đến năm 2010 tổng mức tiêu thụ xi măng của khu vực này vào khoảng 8,34 triệu tấn.

vi) Sự thuận lợi khi thành lập nhà máy Xi măng Lam Thạch II:

- + Nhà máy xi măng Lam Thạch có nguồn nguyên liệu đá vôi, đất sét, phụ gia và than cho sản xuất xi măng khá dồi dào, với trữ lượng và chất lượng đảm bảo cho sản xuất xi măng với công suất 300.000 tấn clinker/năm trên 50 năm.
- + Nhà máy xi măng Lam Thạch có tuyến đường giao thông bộ đã được nâng cấp, dễ dàng vận chuyển xi măng với các đầu mối tiêu thụ sản phẩm. Đặc biệt đã có cảng riêng cho phép tàu 700 DWT pha sông biển vận chuyển xi măng vào các khu vực phía Nam đất nước và quốc tế.
- + Tận dụng được các thiết bị sẵn có của dây chuyền sản xuất như trạm đập đá vôi, xưởng cơ khí, phòng thí nghiệm, cơ sở hạ tầng như đường máy, giảm chi phí đầu tư, tăng hiệu quả kinh tế.
- + Thương hiệu của nhà máy Xi măng Lam Thạch đã có uy tín trong nhiều năm nay vì vậy sản phẩm được tiêu thụ ngay trong tỉnh.

- + Thiết bị của nhà máy dự kiến nhập từ Trung Quốc nên vốn đầu tư thấp, suất đầu tư thấp, giá bán xi măng giảm dễ được thị trường chấp nhận.

vii) Tổng vốn đầu tư:

Tổng mức đầu tư: **607.896.813.000** đồng. Trong đó:

Chi phí đã đầu tư	60.264.000.000
+ Vốn cố định	57.764.000.000
+ Vốn lưu động	2.500.000.000
Chi phí đầu tư mới	547.632.813.000
<i>Vốn cố định</i>	540.132.813.000
+ Chi phí xây dựng	169.568.096.000
+ Chi phí thiết bị	292.390.543.000
+ Chi phí dự phòng	14.047.192.000
+ Lãi vay trong thời kỳ đầu	29.012.640.000
+ Chi phí đền bù	35.000.000
<i>Vốn lưu động</i>	7.500.000.000

viii) Tổng vốn huy động dự án:

Tổng nguồn vốn huy động: **506.031.061.000** đồng

STT	Tên ngân hàng	Số tiền huy động
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	184.000.692.000
2	Ngân hàng Bắc Âu	129.476.000.000
3	Ngân hàng Hà Thành	73.951.000.000
4	Thuê, mua tài chính	13.120.000.000

5	Ngân hàng Hàng Hải	4.970.000.000
6	Vốn tự có	100.513.369.000

ix) Hiệu quả kinh tế:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng mức đầu tư	506.031.061.000
2	Thu hút người lao động	360 người
3	Sản lượng (trung bình)	480.000 tấn xi măng/ năm
4	Giá bán	
5	Xi măng loại PCB 30	226.376 đồng/ tấn
6	Xi măng loại PCB 40	461.407 đồng/ tấn
7	Doanh thu (trung bình)	261.120.000.000 đồng/ năm

x) Các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của dự án:

Hệ số thu hồi vốn	16,25%
Thời gian thu hồi đầu tư không kể thời gian XDCB	4 năm 11 tháng
Mức độ hoạt động hòa vốn	55,51%
Doanh thu hòa vốn	142.112.270.000 đồng
Suất đầu tư cho 1 tấn xi măng	1.125.700 đ
Sản lượng hòa vốn	254.016 tấn



Ngoài dự án Nhà máy xi măng Lam Thạch II đã đi vào hoạt động sản xuất sản phẩm, Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh hiện đang có kế hoạch đầu tư vào một số dự án sau:



STT	Tên dự án	Địa điểm	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô dự án (m2)	Hiệu quả kinh tế	Hiệu quả xã hội
1	Đầu tư xây dựng- kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Cái Lân	KCN Cái Lân- Giếng Đáy- Hạ Long- Quảng Ninh	133,46	680.000	Tăng thu cho doanh nghiệp, CBCNV có việc làm ổn định	Phát triển kinh tế , tăng nguồn thu cho tỉnh, tạo việc làm cho hàng nghìn lao động
2	Dự án đầu tư xây dựng bãi chứa hàng và dự án cảng KCN Cái Lân	Phường Bãi Cháy- Hạ Long- Quảng Ninh	254,000	114.401,50	Tăng thu cho doanh nghiệp, CBCNV có việc làm ổn định	Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư vào KCN để giảm chi phí sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập
3	Dự án đầu tư xây dựng Bãi tập kết hàng hoá	Phường Bãi Cháy- Hạ Long- Quảng Ninh	15,72	45.673,40	Tăng thu cho doanh nghiệp, CBCNV có việc làm ổn định	Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư vào KCN để giảm chi phí sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu tái định cư KCN	Phường Giếng Đáy- Hạ Long	13,98	46.609,30	Tăng thu cho doanh nghiệp,	Tạo nơi ăn chốn ở cho các hộ và tăng



	Cái Lân				CBCNV có việc làm ổn định	vẻ đẹp cho Thành phố
5	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư đô thị Phường Cẩm Thủy- Cẩm Phả	Phường Cẩm Thủy- Cẩm Phả - Quảng Ninh	31,33	96.491	Tăng thu cho doanh nghiệp, CBCNV có việc làm ổn định	Thay đổi diện mạo đô thị hoá đáp ứng đất xây dựng nhà ở và nâng cao đời sống cho nhân dân
6	Dự án đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng khu thương mại và dân cư Cầu Sến- Uông Bí	Khu vực cầu Sến- thị xã Uông Bí	38,61	129.499,80	Tăng thu cho doanh nghiệp, CBCNV có việc làm ổn định	Thay đổi diện mạo đô thị hoá đáp ứng đất xây dựng nhà ở và nâng cao đời sống cho nhân dân

**15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin thu được thu thập lựa chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có



V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu chào bán là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần)

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số cổ phần niêm yết:

12.500.000 cổ phần

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Theo khoản 5 điều 84 Luật Doanh nghiệp quy định: về hạn chế chuyển nhượng cổ phần cổ thông đối với cổ đông sáng lập thì các cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh sẽ bị hạn chế chuyển nhượng: **2.754.020** cổ phần đến hết ngày 28/3/2008.

Theo khoản đ mục 1 điều 8 Nghị định số 14/2007 của Chính phủ quy định: Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết: **1.609.340** cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng tiếp theo: **804.670** cổ phiếu.



5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2005:

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2005	Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31.12.2005- Quỹ khen thưởng phúc lợi- Lợi ích của cổ đông thiểu số
=	-----
	Số cổ phiếu đang lưu hành
	77.485.688.023- 487.551.576- 8.836.703.715
=	-----
	5.664.470
	= 12.033,15 đồng/ Cổ phiếu

- *Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2006:*

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2006	Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31.12.2006- Quỹ khen thưởng phúc lợi- Lợi ích của cổ đông thiểu số
=	-----
	Số cổ phiếu đang lưu hành
	100.740.430.441- 87.487.115-8.431.960.793
=	-----
	7.149.510
	= 12.898,92đồng/ Cổ phiếu

- *Giá trị sổ sách tại thời điểm: 30/9/2007.*

Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2007	Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30.9.2007- Quỹ khen thưởng phúc lợi- Lợi ích của cổ đông thiểu số
=	-----
	Số cổ phiếu đang lưu hành
	189.776.569.809- 7.492.354-7.872.311.342
=	-----
	12.500.000
	= 14.551,74/ Cổ phiếu



6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 90/2005/TT.

Hiện nay tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài đối với cổ phiếu của Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh là: 0%

7. Các loại thuế có liên quan

Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Theo thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo. Năm 2005 là năm tài chính đầu tiên kể từ khi cổ phần hoá Công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Như vậy, Công ty sẽ được miễn thuế trong năm 2005, 2006, và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2007, 2008, 2009.
- Thuế VAT cho các sản phẩm: xi măng; clinker; thi công cơ giới; kinh doanh dịch vụ: 10%



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu - Hà Nội - Việt Nam

Điện thoại : 04.824.1990/1 Fax: 04.825.3973

Email : aaschn@hn.vnn.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7737070/ 2717171 Fax: 04.7739058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 45 Võ Thị Sáu - Quận 1

Điện thoại: 08.2852525 Fax: 08.9255246



VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2006 và quyết toán 9 tháng năm 2007

4. Phụ lục V: Nghị quyết ĐHCĐ thông qua chủ trương niêm yết trên TTGD Hà Nội



Quảng Ninh, ngày tháng năm 2007

**TỔ CHỨC NIÊM YẾT - CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC**

CAO QUANG DUYỆT

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HOÀNG VĂN THỤY

ĐOÀN THỊ DUNG